Phẩm 1 - Bảy Pháp (Kinh số 1 - 10)

Kinh Trung A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

KINH TRUNG A-HAM Hán dịch TAM TẠNG TĂNG-GIÀ-ĐỀ-BÀ

Việt dịch TRUNG TẦM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

PHẨM 1: BẢY PHÁP1 (Gồm 10 kỉnh)

Kệ tóm tắt mười kinh:
Thiện pháp, Trú Độ thọ
Thành, Thủy Mộc tích dụ
Thiên nhân vãng, Thế phước
Thất nhật, Xa, Lậu tận}12
1 Sơ tụng (thứ nhất). Quyển 1. Ngày thứ nhất tụng năm phẩm rưỡi, tổng cộng 64 kinh. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:.;;„ft. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp
tụng không trùng với tên kinh.

1. KINH THIỆN PHÁP1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm,2 vườn cấp Cô Độc.1 23 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Nêu Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp thì được hoan hỷ và an lạc trong pháp Hiền tháiỷi, dẫn đến việc dứt sạch tất cả phiền não.4 Bảy pháp đó là: Biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết hội chúng và biết sự hơn kém của người.56 Thế nào là Tỳ-kheo biết pháp? Nghĩa là Tỳ-kheo biết Chánh kinh,6 Ca vinh,7 Ký thuyết,8 Kệ-tha59 Nhân duyên,10 Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vi tằng hữu và Thuyết nghĩa, đó là Tỳ-kheo biết pháp.

1 Nguyên tác: Thiện pháp kinh r.01. 0026.1. 0421 ai 2. Tham chiếu: Thất tri kinh roi. 0027. 0810a03; Tăng.T.02. 0125.39.1. 0728b26;4 7.68 - IV. 113. 2 Thắng Lâm Jetavana, khu vườn rừng của Thái tử Kỳ-đà Jeta. Theo Chủ giải Kinh tất cả lậu hoặc Sabbāsavasuttavannana thuộc Kinh Trung bộ, trong lúc Vua Bạ-tư-nặc Pasenadi chiến thắng quẩn thù thì hay tin Thái tử vừa được sanh ra nen đặt tên la Chiến Thắng Jeta, có gốc đọng từ jināti, nghĩa là đánh tan, chinh phục, chiến thắng.... 3 Cấp Cô Độc ,Anāthapindika, mỹ danh người đời xưng tán cư sĩ Tu-đạt Sudatta, một thương nhân thành công ở thành Xá-vệ ,Sāvatthi, nước Câu-tát-la Kosala, bởi ông có lòng nhân từ, thường bố thí, cung cấp, bảo trợ, cho những người neo đơn. Vườn cấp Cô Độc là do cư sĩTu-đạt mua đất cua Thái tử Ky-da bằng số vàng trải kháp khu vườn ấy để xây dựng tu viện cúng dường cho Phật và Tăng đoàn. Cảm được tâm lòng mộ đạo của cư sĩ Tu-đạt đối với Tam bảo, Thai tử Kỳ-đà đã dâng cúng sô cây trong khu vườn ấy. Tư đo, tu viện này được mang tên cả 2 người: Kỳ thọ cấp Cô Độc viên. 4 Lậu tận :Hết sạch phiền não, đồng nghĩa với “v6 lāu?9

5 Tri ph tri nghĩa, tri thời, tri tiết, tri kỷ, ưi chúng, tri nhân thắng như .A. 7.68 - IV. 113: Dhammaññū ca hoti atthaññū ca attaññū ca mattaññū ca kālaññū ca parisaññū capuggalaparoparaññū ca Biết pháp, biết nghĩa, biết tự ngã, biết ước lượng, biết thời, biết hội chúng, biết người thắng kẻ liệt, HT. Thích Minh Chau

dịch. 6 Chánh kinh cũng gọi là Quán kinh ,Khế kinh ,Sutto.

7 Ca vịnh :Thể kệ lặp lại nội dung của đoạn kinh trước, còn gọi là Trùng tụng ,ứng tụng j hoặc Kỳ-dạ ,Geyya. J 8 Ký thuyết n£Veyyākarana'. Thể loại này lúc ban đầu được đức Phật dùng để xác định hoặc giải thích giaophap, về sau nhằm xác định quả VỊ tu chứng của hàng đệ tử, còn gọi là Thọ quyết , Thọ ký ,Ký biệt ... 9 Kệ-tha phiên âm là Già-đà Gāthā, chỉ cho thể loại kinh văn được viết theo thi kệ như Kinh Pháp củ, Trưởng lão Tăng kệ, Trường lão Ni kệ,... 10 Nhân duyên phiên âm là Ni-đà-na Nidāna. Theo Đại trí độ luận T.25. 1509.33. 0307Ồ05. Ni-đà-na nghĩa là giáo pháp mà chư Phật nói vốn phát khởi từ nhân duyên. Do nhân duyên gì mà Phật nói về việc đo. Do co người hỏi nên nói việc này. Theo Luật tạng, vì co người phạm lỗi nên đã kiết giới đó. Tất cả lời dạy của đức Phật đều phát khởi từ nhân duyên nên gọi la Ni-đà-na. t.: .

6 KINH TRUNG A-HÀM

Nếu Tỳ-kheo nào không biết pháp, nghĩa là không biết Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha9 Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu và Thuyết nghĩa, Tỳ-kheo như vậy là không biết pháp. Nếu Tỳ-kheo nào khéo biết pháp, nghĩa là biết Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha9 Nhân duyên, Soạn lục,11 Bản khởi,11 12 Thử thuyết,1314 Sanh xứ,14 Quảng giải,15 Vi tằng hữu16 và Thuyết nghĩa,17 đó là Tỳ-kheo khéo biết pháp.18 Thế nào là Tỳ-kheo biết nghĩa? Đo là Tỳ-kheo biết nghĩa của các loại giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này, đó là Tỳ-kheo biết nghĩa. Nếu Tỳ-kheo nào không biết nghĩa, tức là không biết nghĩa của các loại giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này, Tỳ-kheo như vậy là không biết nghĩa. Nếu Tỳ-kheo nào khéo biết nghĩa, tức là biết nghĩa của các loại giáo thuyêt này hay giáo thuyêt kia, biêt điêu này có nghĩa như thê kia, biết điều kia có nghĩa như thế này, đó là Tỳ-kheo khéo biết nghĩa. [042lb02] Thế nào là Tỳ-kheo biết thời? Nghĩa là Tỳ-kheo biết lúc nào nên tu pháp thấp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả,19 đó là Tỳ-kheo biết thời. Nếu Tỳ-kheo nào không biết thời, nghĩa là không biết lúc nào nên tu pháp thấp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả, Tỳ-kheo như vậy là không biết thời. Nếu Tỳ-kheo nào khéo biết thời, nghĩa là biết lúc nào nên tu pháp thấp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả, đó là Tỳ-kheo khéo biết thời. Thế nào là Tỳ-kheo biết tiết độ? Nghĩa là Tỳ-kheo biết tiết độ trong việc uống ăn, đi đứng, ngồi nằm, nói năng, im lặng, đại tiểu tiện và biết giảm bớt

11 Soạn lục ,môt thể tài kinh điển dùng ví dụ để chứng minh, còn gọi là Thí dụ ,phiên âm là A-ba-đà-na ,Avadāna hay Apadānd. Bản khởi cũng gọi là Thiên b6n ,Bổn mạt ,Bổn sự .Pali gọi là Itivuttaka Phật thuyết như vậy. 1 Thử thuyết còn gọi là Tự thuyết ,Vô vấn tự thuyết hoặc Ưu-đà-na IP. Pali gọi là Udāna Cảm hứng ngữ. 14 Sanh cũng gọi là Sanh kinh hoặc phiên âm là Xà-đa-già Jātaka, Bổn duyên . 15 Quanggiai 0W cũng gọi là Quảng kinh ,Phương quảng ,Phương đẳng ,Tỳ- phil-la

Vedallà. 16 Vị tàng hữu cũng gọi là A-phù-đa-đạt-ma ,Abbhutadhammā, chỉ cho thể loại giáo pháp vô cùng hy hữu va bát khả tư nghì. 17 Thuyết nghĩa một thể tài kinh điển nhằm mở rộng nghĩa lý từ những lời dạy cô đọng của đức PẸật, con được gọi là Quảng diễn ,Quảng phổ ,Luận nghị hoặc Ưu-ba-đề-xá ,Upadesa. 18 Trung A-hàm nêu ra 12 thể tài kinh điển, thế nhưng A. 7.68 - IV. 113 chỉ nêu có 9 thể loại: Suttam geyyarn veyyākaranam gātham udānam itivuttakam jātakam abbhutadhammam vedallam. 19 Hạ tướng ,cao tướng ,xả tướng .A. 7.68 - IV. 113: Ayam kālo udessa, ayam kālo paripucchāya, ayam kālo yogassa, ayam kālo patisallānassā Đây là thời để tuyên thuyết, đây là thời chất vấn, đay là thơi tu tập, đay là thơi thiền tịnh, HT. Thích Minh Châu dịch “

1. KINH THIỆN PHÁP 7

ngủ nghỉ, tu tập tỉnh giác,20 đó là Tỳ-kheo biết tiết độ. Nếu Tỳ-kheo nào không biết tiết độ, tức là không biết tiết độ trong việc uống ăn, đi đứng, nằm ngồi, nói năng, im lăng, đại tiểu tiện và biết giảm bớt ngủ nghi, tu tập tỉnh giác, Tỳ-kheo như vậy là không biết tiết độ. Nếu Tỳ-kheo nào khéo biết tiết độ? nghĩa là biết tiêt độ vê các việc uống ăn, đi đứng, ngồi nằm, nói năng im lặng, đại tiểu tiện, và biết giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập tỉnh giác, đó là Tỳ-kheo khéo biết tiết độ. Thế nào là Tỳ-kheo biết mình? Nghĩa là Tỳ-kheo tự biết mình có chừng ấy tín tâm, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, biện tài, giáo pháp và sở đắc, Tỳ-kheo như vậy là biết mình. Nếu Tỳ-kheo nào không biết mình, tức không tự biết mình có chừng ấy tín tâm, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, biện tài, giáo pháp và sở đắc, Tỳ-kheo như vậy là không biết mình. Nếu Tỳ-kheo nào khéo biêt mình, tức tự biết mình có chừng ấy tín tâm, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ9 biện tài, giáo pháp và sởtóc, đó là Tỳ-kheo khéo biết mình. Thế nào là Tỳ-kheo biết hội chúng? Nghĩa là Tỳ-kheo biết đây là hội chúng Sát-lợi,21 đây là hội chúng Phạm chí,2223 đây là hội chúng Cư si,23 đây là hội chúng Sa-môn.24 ở nơi hội chúng ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói năng như vậy, im lặng như vậy, đó là Tỳ-kheo biết hội chúng. Nếu Tỳ- kheo nào không biết hội chúng, tức không biết đây là hội chúng Sát-lọi, đây là hội chúng Phạm chí, đây là hội chúng Cư sĩ, đây là hội chúng Sa-môn. ở nơi hội chúng ấy5 ta nên đi như vậy5 đứng như vậy, ngồi như vậy, nói năng như vậy, im lặng như vậy, Tỳ-kheo như vậy là không biết hội chúng. Nêu Tỳ-kheo nào khéo biết hội chúng, tức biết đây là hội chúng Sát-lợi5 đây là hội chúng Phạm chí, đây là hội chúng Cư sĩ, đây là hội chúng Sa-môn. ở nơi hội chúng ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói năng như vậy5 im lặng như vậy, đó là Tỳ-kheo khéo biết hợi chung. [0421C05] Thế nào là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người? Nghĩa là Tỳ-kheo biết có hai hạng người: Có lòng tin và không có lòng tin. Người có lòng tin là hơn, người không có lòng tin là kém. Người có lòng tin lại có hai hạng: Thường đến gặp thầy Tỳ-kheo và không thường đến gặp thầy Tỳ-kheo. Người thường đến gặp thầy Tỳ-kheo là hơn, người không thường đen gặp thay Tỳ-kheo là kém.

20 Nguyên tác: Chánh trí .Dùng như chữ "chánh tri"trong cú ngữ Ị tức chánh niệm tinh giác. Tham chiếu: M. 141, Saccavibhañga sutta Kinh phân biệt ve sự

thật ghi là Katamā cāvuso sammāsati: idhāvuso bhikkhu kāye kāyānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassarn Này chư Hiền, the nào là chanh niệm? Này chư Hiền, ơ đây, Tỷ-kheo song quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, đê chê ngự tham ưu ở đời, HT. Thích Minh Châu dịch. 21 Sát-lợi ,Khattiyā chỉ cho giai cấp chiến sĩ. 22 Phạm chí chỉ cho giai cấp Bà-la-môn Brāhmand. 23 Cư si . Kinh điển Pãli^ọi gahapati, nghĩa là gia chủ ,tnrởng giả ,d^ng thời chỉ cho nhimg người có của cải ao gồm ca những người thợ thuyền, thương nhân. Tầng lớp này thường được phiên âm là Tỳ-xá Vessā, là giai cáp thứ 3 trong 4 giai cáp chính ở An Độ. 24 Sa-môn Samānā chỉ cho hàng xuất gia, đạo sĩ nói chung, bao gồm cả Sa-môn Thích tử và Sa-môn Bà-la-môn cũng như các hàng xuất gia thuộc các tôn giáo khác.

8 KINH TRUNG A-HÀM

Người thường đến gặp thầy Tỳ-kheo lại có hai hạng: Có kính lễ thầy Tỳ- kheo và không kính lễ thầy Tỳ-kheo. Người có kính lễ thầy Tỳ-kheo là hơn, người không kính lễ thầy Tỳ-kheo là kém. Người kính lễ thầy Tỳ-kheo lại có hai hạng: Có hỏi kinh và không hỏi kinh. Người có hỏi kinh là hơn, người không có hỏi kinh là kém. Người có hỏi kinh lại có hai hạng: Nhát tâm nghe kinh và không nhát tâm nghe kinh. Người nhất tâm nghe kinh là hơn, người không nhất tâm nghe kinh là kém. Người nhất tâm nghe kinh lại có hai hạng: Nghe rồi ghi nhớ pháp và nghe rồi không ghi nhớ pháp. Người nghe rồi có ghi nhớ pháp là hơn, người nghe rồi không ghi nhớ pháp là kém. Người nghe rồi có ghi nhớ pháp lại có hai hạng: Nghe pháp có suy ngẫm nghĩa lý và nghe pháp không có suy ngẫm nghĩa lý. Người nghe pháp có suy ngẫm nghĩa lý là hơn, người nghe pháp không suy ngẫm nghĩa lý là kém. Người nghe pháp có suy ngâm nghĩa lý lại có hai hạng: Biêt pháp, biêt nghĩa, hướng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp,25 tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp và hạng không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp. Người biết pháp, biết nghĩa, hướng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp là hơn, người không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp là kém. Người biêt pháp, biêt nghĩa, hướng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, tùy thuận pháp, thực hành như pháp lại có hai hạng: Hạng làm ích lợi cho mình, làm ích lợi cho người, làm ích lợi cho nhiều người, xót thương thế gian, mong câu ý nghĩa và lợi ích, mong câu an ôn và hân hoan cho chư thiên và loài người; và hạng không làm lợi ích cho mình, không làm lợi ích cho người, không làm lợi ích cho nhiều người, không xót thương thế gian, không mong cầu ý nghĩa và lợi ích, không mong cau an ổn và hân hoan cho chư thiên và loài người. Nếu người nào làm lợi ích cho mình, làm lợi ích cho người, làm lợi ích cho nhiều người, xót thương the gian, mong cầu ý nghĩa và lợi ích? mong cầu an ổn và hân hoan cho chư thiên và loài người thì người ấy là bậc nhất, là lớn nhất, là trên hết, là cao nhất, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu giữa mọi người. Ví như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có đề- hồ26 thì đề-hồ là bậc nhất, là lớn nhất, là trên hết, là cao nhất, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu đối với những loại kia. Cũng vậy, nếu người

nào làm lợi ích

25 Hướng pháp thứ pháp dhammānudhammappatipannā còn được dịch là 4tpháp thứ pháp huớngT,4íthuận pháp thứ pháp?,. 26 Tô tinh ,tên gọi khác của đề-hồ mando.

1. KINH THIỆN PHÁP 9

cho mình, làm lợi ích cho người, làm lợi ích cho nhiều người, xót thương thế gian, mong cầu ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an ổn và hân hoan cho chư thiên và loài người thì trong hai hạng người như trên đã nói, đã phân biệt, đã nêu bày, người này là bậc nhất, là lớn nhất, là trên hết, là cao nhất, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu. Đó là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người. Đức Phật dạy như vậy? các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

2. KINH CÂY TRÚ Đô1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu lá cây Trú Độ1 2 ở cõi trời Ba Mươi Ba úa vàng, lúc đó thiên chúng ở cõi trời này hân hoan vui mừng, cho rằng lá cây Tru Độ chẳng bao lâu nữa sẽ rụng. Thê rôi? lá cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba đã rụng, lúc đó thiên chúng ở cõi trời này hân hoan vui mừng, cho rằng cây Tru Độ chẳng bao lâu nữa sẽ ra lá trở lại. Thế rồi, cây Tru Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba đã ra lá trở lại, lúc đó thiên chúng ở cõi trời này hân hoan vui mừng, cho rang cây Tru Độ chẳng bao lâu nữa sẽ chớm nụ như màng lưới.3 Thế rồi, cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba đã chớm nụ như màng lưới, lúc đó thiên chúng ở cõi trời này hân hoan vui mừng, cho rằng cây Tru Độ chẳng bao lâu nữa sẽ nở nụ giống như mỏ chim. Thế rồi, cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba đã nở nụ giống như mỏ chim, lúc đó thiên chúng ở cõi trời này hân hoan vui mừng, cho rang cây Tru Độ chẳng bao lâu nữa sẽ nở hoa giống như cái bát. Thế rồi, cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba đã nở hoa như cái bát, lúc đó thiên chúng ở cõi trời này hân hoan vui mừng, cho rang cây Trú Độ chẳng bao lâu nữa hoa sẽ nở tròn trịa. Nếu cây Trú Độ nở hoa tròn trịa thì phát ra ánh sáng, màu sắc và tỏa ra hương thơm trong chu vi một trăm do-diên.4 Bấy giờ? vào bốn tháng mùa hạ, thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba vui đùa với năm thứ dục lạc5 cõi trời. Đó gọi là cõi trời Ba Mươi Ba nhóm họp vui chơi hưởng lạc dưới cây Tru Độ.

1 Nguyên tác: Trủ Độ thọ kinh roi. 0026.2. 0422a18. Tham chiếu: Viên Sanh thọ kỉnh ws T.Ol. 0028. 0810c03; Tăng.T02. 0125.39.2. 0729bll;^. 7.69 - IV. 117. 2 Trú Độ thọ Pārichattaka, Pārijāta, cây này sanh trưởng trong vườn Nan-đà Nandanavana, bên ngoài Thiện Pháp đường Sudhammāsalā, trèn cõi trời EÌao-lợi Tāvatimsa. Tăng.r.02. 0125.39.2. 0729bll mô tả góc cây to 50 do-tuan, cao 100 do-tuần, bóng cây che phủ 4 phía rộng 50 do-tuần. 3 Sanh võng ,jālakajātd\ Nảy chồi non. 4 Do-diên còn gọi do-tuần ,du-thiện-nạ ,du-xà-na S,là đơn vị đo độ dài, khoảng cách. Theo Đại Đường Tây Vức ký T.51. 2087.2. 0875c06,^du-thiện-na là khoảng cách một ngày hành quân của bậc Thánh vương thuở xưa. Theo người xưa truyền lại, một du- thiện-na là 40 lý; theo cách tính của Án Độ chính là 30 lý. Trong kinh điên Phật giáo ghi nhận chỉ còn 16

ly&. . 5 Ngũ dục công đức .Theo s.
35.117 - IV. 97, nguyên tác là pañca kāmaguna năm loại dục. DÒ vận dụng nghĩa chưa thích hợp nên một số bản kinh chữ Hán đa dịch thành^ngũ dục công dt.ở đây, guụa có nghĩa đầu tiên là công đức ,nhưng nghĩa kế tiếp là chủng loại .Đơn cử như diguụaỉả “nhj chủng,, .Do vậy, t4ngũ dục công dức"cân được hiểu la_2nam loại dục,9 .Ngay tư thời Hậu Hán, ngài An Thế Cao đã sử dụng nghĩa t4năm loại dục^, trong Lậu phân bố kinh 01. 0057. 0852c23.

12 KINH TRƯNG A-HÀM

[0422b06] Với ý nghĩa như thế, vi Thánh đệ tử cũng vậy, khi suy nghĩ đến việc xuất gia thì lúc đó? vi Thánh đệ tử như chiếc lá úa vàng, giống như lá cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba úa vàng. Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình để học đạo thì lúc đó, vi Thánh đệ tử được gọi là lá rụng, như lá cây Tru Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba rụng xuống. Lại nữa, khi vi Thánh đệ tử lìa dục, lìa pháp ác và bất thiện, có giác có quán,6 có hỷ và lạc được sanh ra do viễn ly rồi chứng đạt và an trú7 Thiền thứ nhất.8 Lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là sanh trở lại, như cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba ra lá trở lại. Lại nữa, khi vi Thánh đệ tử đã tinh trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ và lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai.9 Lúc đó, vị Thánh đệ tử được gọi là chớm nụ như màng lưới, như cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba chớm nụ như màng lưới. Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an tru xả vô cầu, cùng với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, điều mà bậc Thánh gọi là xả niệm an trú lạc, Lúc đó, vị Thánh đệ tử được gọi là nở nụ như chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.1011 mỏ chim, như cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba nở nụ như mỏ chim. Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử buông bỏ cả khổ và vui, diệt trừ ưu và hỷ quá khứ, không khổ không vui, xả và niệm đều thanh tịnh, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư.11 Lúc đó? vị Thánh đệ tử được gọi là nở hoa như cái bát, như cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba nở hoa như cái bát.

6 Hữu giác hữu quán SỊ. Ngài Huyền Trang dịch và "tứ”.Đó là 2 thuộc tính của tâm tâm sở, đông thời là 2 thiên chi của Thiền thứ nhất. ^Thànhtựu du .Tăng.r.02. 0125.10.1. 0563c24ghi là "tự du hy, tự ng6 lạc” ;Tạp. Br.O2. 0099.35. 0008al0 ghi l “cq túc trụ” .A. 7.69- IV. 117: Upasampajja viharati thành tựu và an trụ. 8 Theo Thất bảo kinh 01. 0026.58. 0788cl9, Thiền thứ nhất có 5 chi, gồm: giác quán hỷ lạc và nhát tâm .Theo Ạ-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận 7.29. 1558.28. 0146c04, Thiên thứ nhát có 5 chi, gồm: tầm ,tứ ,hỷ ,0C và định . 9 Theo A-tỳ-đạt-ma Câu-xảjuận 29. 1558.28. 0146c05, Thiền thứ hai có 4 chi, gôm: nội tịnh ,hỷ ,lạc và định . 10 Theo A-tỳ-đạt-ma Cāu-xa luận 7.29. 1558.28. 0146C15, Thiền thứ ba có 5 chi, gồm: 0 Hành ,li Chánh niệm ,iii Chánh tuệ ,iv Lạc thọ SỂ, v Định . 11 Theo A-tỳ-đạt-ma Câu-xả luận^i^7.29. 1558.28. 014ÓCÍ8, Thiền thứ tư có 4 chi: i Hành xả thanh tịnh ,ii Niệm thanh tinh ,iii Thọ không khổ không lạc ,iv Định

.

2. KINH CÂY TRÚ ĐỘ 13

Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử trừ sạch mọi phiền não, được Tâm giải thoát,12 được Tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại tự biết, tự giác ngộ, tự chứng đắc, thành tựu và an trú và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nua?9 Lúc đó? vị Thánh đệ tử được gọi là hoa nở tròn trịa, như cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba nở hoa tròn trịa. Đó là vi Tỳ-kheo A-la-hán dứt sạch phiền não,13 được cõi trời Ba Mươi Ba nhóm họp tại chánh điện Thiện Pháp ân cần khen ngợi rằng: Thánh đệ tử tôn quý đó? ở tại thôn ấp đó, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiêt5 rời xa gia đình, sông không gia đình đê học đạo, đã sạch phiên não, được Tâm giải thoát, được Tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại tự biết, tự giác ngộ, r .L y \ r

tự chứng đác, thành tựu và an trú, biêt như thật răng: 'Sanh tử đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.'" Như thê gọi là các A-la-hán trừ sạch phiên não cùng nhóm họp như thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba cùng nhóm họp dưới cây Trú Độ vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

12 Tâm giải thoát ,tuệ giải thoát .Theo Tạp.T.02. 0099.710. 0190bl7 và Tạp. 7.02. 0099.1027. 0268b20, Ha tham dục được 2m giải thoát" và lìa vô mirủi được/^ệ glải thot" ,.A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luậnT.26. 1536.3. 0376a02 giải thích: "Tâm giải thoát?, là tâm tươngưng với "v6 tham thiện cãn?,, đã thăng giải, đang thắng giải va sẽ thắng giải, gọi là 4ttâm gi,thoát." 'Tuệ gimi thoát" là tâm tương ưng ỵớ^vô si thiện can^, đã thắng giải, đang thăng giải và sẹ thăng giải, gọi là^tụệ giải thoát,, 0 ẹiBTOB,8,,BBW, wwM, / 13 Nguyên tác: Lậu tận A-la-ha Tỳ-kheo .

3. KINH VÍ DỤ VỀ THÀNH LŨY1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Như vương thành ở biên giới1 2 có đầy đủ bảy điều và bốn loại lương thực dôi dào, dễ tìm chứ không khó, do đó vương thành không bi giặc bên ngoài đánh phá, chỉ trừ bên trong tự phá hoại. Thế nào là vương thành có đầy đủ bảy điều? Đó là, vương thành ở biên giới xây cất những vọng gác, đắp đất cho chắc chắn, không thể phá vỡ để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là sự đầy đủ thứ nhất của vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới có đào hào, vét ao cho thật sâu rộng, sửa sang vững chăc đê có thê nươnẹ tựa, làm cho bên trong được an ôn và ngăn chăn giặc thù bên ngoài, đó là sự đay đủ thứ hai của vương thành. Lại nữa, những con đường nối liền chung quanh vương thành ở biên giới được dọn dẹp cho bằng phẳng, rộng rãi để bên trong được an ổn và ngăn chăn giặc thù bên ngoài, đó là sự đay đủ thứ ba của vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới tập hợp sức mạnh của bốn loại binh chủng là quân voi, quân ngựa, quân xe, quân bộ đe bên trong được an on và ngăn chặn

giặc thù bên ngoài, đó là sự đay đủ thứ tư của vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới chuẩn bị sẵn binh khí như cung, tên, mâu và kích để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là sự đầy đủ thứ năm của vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới lập vi Đại tướng trân thủ, sáng suôt, thao lược, trí tuệ, khéo léo, dõng mãnh, cuông nghị, giỏi mưu chước, người hiền thiện thì cho vào, kẻ bất lương thì ngăn câm đê bên trong được an ôn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là sự đầy đủ thứ sáu của vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật vững chắc, trét bùn, tô đất để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là sự đay đủ thứ bảy của vương thành.

1 Nguyên tác: Thành dụ kinh (T.01. 0026.3. 0422c9). Tham chiếu: Tăng.(—02. 0125.39.4. 0730b02); A. 7.67 - IV 106. 2 Nguyên tác: Vương biên thành ().Theo A. 7.67 - IV. 106: Nagaropama, gồm 2 thành tố: Nagara + upama. Nagara nghĩa là thành quách, upama là những thứ tương tự như the.

Thế nào là bốn loại lương thực dồi dào, dễ tìm chứ không khó? Đó là, vương thành ở biên giới luôn chuẩn bị sẵn nước, cỏ? củi và gỗ đe bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là loại lương thực thứ nhất, dồi dào và dễ tìm chứ không khó ở vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới gom góp nhiêu lúa gạo và tích trữ nhiêu lúa mạch để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là loại lương thực thứ hai, dồi dào và dễ tìm chứ không khó ở vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới tích trữ nhiều mè5 đậu đỏ và các loại đậu khác để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là loại lương thực thứ ba, dồi dào và dễ tìm chứ không khó ở vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới cất chứa bơ, dầu, mật, mía, đường, cá, muối và thịt khô, tất cả đều đầy đủ để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là loại lương thực thứ tư, dồi dào và dễ tìm chứ không khó ở vương thành. Như vậy, vương thành đầy đủ bảy điều, bốn loại lương thực dồi dào và dễ tìm chứ không khó, nên không bị giặc bên ngoài đánh phá, chỉ trừ bên trong tự phá hoại. [0423all] Cũng vậy, nếu vị Thánh đệ tử thành tựu bảy pháp lành, đạt được bốn tâm tăng thượng,3 dễ dàng chứ không khó thì vị Thánh đệ tử đó không bị Ma vương quấy phá, cũng không theo các pháp ác, bất thiện, không bị phiền não làm nhiễm 6, không còn tái sanh nữa. Thế nào là bảy pháp lành mà vị Thánh đệ tử đạt được? Đó là, vị Thánh đệ tử có niêm tin kiên cô5 sâu xa đôi với Như Lai, góc tin đã vững, trọn đời không theo Sa-môn? Phạm chí ngoại đạo cũng như Thiên, Ma, Phạm thiên và hàng thế gian khác, đó là pháp lành thứ nhất mà vị Thánh đệ tử đạt được. Lại nữa, vị Thánh đệ tử thường giữ hạnh biết xấu hổ, điều đáng xấu hổ thì biết xấu hổ. Xấu hổ với những pháp ác, bất thiện và phiền não nhiễm ô khiến phải nhận chịu các quả báo xấu ác, tạo gốc rễ sanh tử, đó là pháp lành thứ hai mà vi Thánh đệ tử đạt được. Lại nữa, vị Thánh đệ tử thường giữ hạnh biết tự thẹn, điều đáng tự thẹn thì biết tự thẹn. Tự thẹn với những pháp ác, bất thiện và phiền não nhiễm ô khiến phải nhận chịu các quả báo xấu ác, tạo gốc rễ sanh tử, đó là pháp lành thứ ba mà vi Thánh đệ tử đạt được. Lại nữa, vị Thánh đệ tử thường thực hành hạnh tinh tấn, đoạn trừ pháp ác và bát thiện, tu các

pháp thiện, thường giữ gìn tâm vững chãi, chuyên nhất, tạo các gốc lành, nỗ lực không buông bỏ5 đó là pháp lành thứ tư mà vị Thánh đệ tử đạt được.

3 Tứ tăng thượng tâm ()tức an trụ trong Tứ thiền (sẽ được giải thích phần sau bài kinh).

3. KINH VÍ DỤ VỀ THÀNH LŨY 17

Lại nữa, Thánh đệ tử học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự học rộng. Đối với những pháp phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh, những pháp như thê thì hãy học rộng nghe nhiều, luyện tập đến cả ngàn lần4 khiến tâm chuyên chú, tư duy quán sát để thấu rõ và hiểu sâu, đó là pháp lành thứ năm mà vi Thánh đệ tử đạt được. Lại nữa, vi Thánh đệ tử thường thực hành niệm, thành tựu chánh niệm. Những điều đã từng học tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu thì ghi nhớ không quên, đó là pháp lành thứ sáu mà vi Thánh đệ tử đạt được. Lại nữa, vị Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán sát sự hưng suy5 của các pháp nên đạt được trí tuệ như vậy, là tuệ minh đạt của bậc Thánh/ nhờ đó nên đã phân biệt rõ ràng và diệt sạch hoàn toàn đau khổ/ đó là pháp lành thứ bảy mà vị Thánh đệ tử đạt được. [0423b04] Thế nào là bốn tâm tăng thượng dễ được chứ không khó mà vị Thánh đệ tử đạt đến? Đó là, vi Thánh đệ tử lìa dục, lìa pháp ác và bất thiện, có giác có quán, có hỷ và lạc được sanh ra do viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, đó là tâm tăng thượng thứ nhất, dễ đạt được chứ không khó mà vị Thánh đệ tử đạt đến. Lại nữa, vi Thánh đệ tử đã diệt trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tam, không giác không quán, có hỷ và lạc do đinh sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, đó là tâm tăng thượng thứ hai, dễ đạt được chứ không khó mà vi Thánh đệ tử đạt đến. Lại nữa, vị Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an tru xả vô cầu, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, điều mà bậc Thánh gọi là xả niệm an trú lạc, chứng đạt và an tru Thiền thứ ba, đó là tâm tăng thượng thứ ba, dễ đạt được chứ không khó mà vị Thánh đệ tử đạt đến. Lại nữa, Thánh đệ tử buông bỏ cả khổ và vui, diệt trừ ưu và hỷ qua khứ, không khổ không vui, xả và niệm đều thanh tịnh, chứng đạt và an tru Thiền thứ tư, đó là tâm tăng thượng thứ tư, dễ đạt được chứ không khó mà vị Thánh đệ tử đạt đến. Như vậy, vị Thánh đệ tử đạt được bảy pháp lành, đạt đên bôn tâm tăng thượng, dễ đạt được chứ không khó, không bị Ma vương quấy phá, cũng chẳng theo pháp ác và bất thiện, không bị phiền não nhiễm 6, không còn thọ sanh trở lại.

4 Ngoạn tập chí thiên .Thập thượng kinh roi. 0001.10. 0054c28 ghi là 4tthủ trì batvong,?W^ 5 Quán hưng suy pháp .Thập thượng kinh roi. 0001.10. 0057al7 ghi la/'quan pháp sanh diet"Tạp.02. 0099. 103. 0030c01 ghi là 44quan sát sanh diet" M Tạp.r.02. 0099.254. 0063b09 ghi là uđế quán ph sanh diet” . 6 Tuệ minh đạt còn gọi là Utuệ quyết trạch" nibbedhikapañño, là trí tuệ thấu suốt mọi việc. 7 Chánh tận khổ .Chánh sammā còn có nghĩa là hoàn toàn.

18 KINH TRUNG A-HÀM

Như vương thành ở biên giới xây cất vọng gác, đắp đất cho chắc, không thể phá vỡ để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vi Thánh đệ tử có niềm tin kiên cố, sâu xa đối với Như Lai, góc tin đã vững, trọn đời không theo Sa-mon5 Phạm chí ngoại đạo, cũng như Thiên, Ma, Phạm thiên và các hạng thế gian khác, đó là vị Thánh đệ tử có vọng gác tín tâm đê diệt trừ pháp ác, bat thiện và tu tập các pháp thiện. Như vương thành ở biên giới đào hào, vét ao thật sâu rộng, sửa sang vững chắc để có thể nương tựa, làm cho bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoi; cũng vậy, vị Thánh đệ tử thực hành hạnh xấu hổ, điều đáng xấu hổ thì biêt xấu hổ. xấu hổ với những pháp ác, bất thiện, phiền não nhiễm ô khiến phải thọ nhận các quả báo xấu ác, tạo gốc rễ sanh tử, đó là vị Thánh đệ tử có ao hồ xấu hổ để diệt trừ pháp ác và bất thiện, tu tập các pháp thiện. Như vương thành ở biên giới dọn dẹp những con đường nối liền chung quanh cho bằng phẳng, rộng rãi để bên trong được an ổn và nệăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vi Thánh đệ tử thường thực hành hạnh biết thẹn, điều đáng thẹn thì biết thẹn. Tự thẹn với những pháp ác, bất thiện và phiền não nhiễm ô khiến phải thọ nhận các quả báo xấu ác, tạo gốc rễ sanh tử, đó là vị Thánh đệ tử có con đường biết thẹn bằng phẳng để diệt trừ pháp ác và bất thiện, tu tập các pháp thiện. [0423c03] Như vương thành ở biên giới tập hợp sức mạnh của bốn loại binh chủng gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ để bên trong được yên ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ từ thường thực hành tinh tấn, đoạn trừ pháp ác, bất thiện và tu tập các pháp thiện, thường giữ gìn tâm vững chãi, chuyên nhát, tạo các gốc thiện, nỗ lực không buông bỏ5 đó là vị Thánh đệ tử có sức mạnh của đội quân tinh tấn để diệt trừ pháp ác, bất thiện và tu tập các pháp thiện. Như vương thành ở biên giới chuẩn bị sẵn binh khí như cung, tên5 mâu và kích để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự học rộng. Đôi với những pháp phân đâu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh, các pháp như thế cần học rộng nghe nhiều, luyện tập đen cả ngàn lan, khiến tâm chuyên chú, tư duy quán sát đe thâu rõ, hiêu sâu, đó là vị Thánh đệ tử có binh khí đa văn để diệt trừ pháp ác, bất thiện và tu tập các pháp thiện. Như vương thành ở biên giới lập vị Đại tướng trấn thủ sáng suốt, thao lược, trí tuệ, khéo léo, dõng mãnh, cương nghị, giỏi mưu chước; người hiền thiện thì cho vào, kẻ bát lương thì ngăn câm đê bên trong được an ôn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử thường thực hành niệm, thành tựu chánh niệm, những gì đã từng học tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu thì ghi nhớ không quên, đó là vị Thánh đệ tử có Đại tướng trấn giữ để diệt trừ pháp ác và bát thiện, tu tập các pháp thiện.

3. KINH VÍ DỤ VỀ THÀNH LŨY > 19

Như vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật kiên cố, trét bùn, tô đất đe bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán sát sự hung suy của các pháp nên đạt được trí tuệ như vậy, là tuệ minh đạt của bậc Thánh, nhờ đó đã phân biệt rõ ràng và diệt sạch hoàn toàn đau khổ, đó là vị Thánh đệ tử có bức tường trí tuệ để diệt trừ pháp ác, bất thiện và tu tập các pháp thiện. Như vương thành ở biên giới có chuẩn bi sẵn nước, cỏ, củi và gỗ để bên

trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử lìa dục, lìa pháp ác và bất thiện, có giác có quán, có hỷ và lạc được sanh ra do viễn ly, chứng đạt và an tru Thiền thứ nhất, sống an lạc không thiếu thốn, an ổn hân hoan,8 tự mình đạt đến Niết-bàn. Như vương thành ở biên giới gom góp nhiều lúa gạo và tích trữ nhiều lúa mạch để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử đã diệt trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ và lạc do định sanh, thành tựu và an trú Thiền thứ hai, song an lạc không thiếu thon, an on hân hoan, tự mình đạt đen Niết-bàn. [0424a02] Như vương thành ở biên giới chứa nhiều mè, đậu đỏ và các loại đậu khác để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trú xả vô cầu, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, điều mà bậc Thánh gọi là xả niệm an tru lạc, chứng đạt và an tru Thiền thứ ba, sống an lạc không thiếu thốn, an ổn hân hoan, tự mình đạt đến Niết-bàn. Như vương thành ở biên giới chứa cất bơ, dầu, mật, mía, đường, cá, muối và thịt khô, tất cả đều đầy đủ để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử buông bỏ cả khổ và vui, diệt trừ tru và hỷ quá khứ, không khổ không vui, xả và niệm đều thanh tinh, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, sống an lạc không thiếu thốn, an ổn hân hoan, tự mình đạt đến Niết-bàn. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

8 An ẩn khoái lạc .An ẩn ,phāsu nghĩa là sự an lạc, dễ chịu. Khoái lạc ,
pāmojja nghĩa là hân hoạn. Tham chiếu: A. 10.1 v. l ghi là "Avippatisāro kho, ānanda, pāmojjattho pāmojjānisamso "ti Này Ananda, không có hôi tiêc đưa đên hân hoan, có lợi ích hân hoan, HT. Thích Minh Châu dịch.

4. KINH VÍ DỤ VÈ Nước1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Ta sẽ giảng cho các thầy nghe ve bảy hạng người được ví dụ với nước.

Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

r ,

Bây giờ, các Tỳ-kheo vâng lời và lăng nghe. Đức Phật dạy: -Thế nào là bảy hạng người? Hoặc có người chìm mãi dưới nước; hoặc có người ra khỏi nước rồi chìm trở lại; hoặc có người ra khỏi nước rồi trụ lại; hoặc có người ra khỏi nước rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn; hoặc có người ra khỏi nước rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua; hoặc có người ra khỏi nước roi trụ lại, trụ lại roi ngước nhìn, ngước nhìn roi vượt qua, qua roi đến bờ bên kia; hoặc có người ra khỏi nước rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, vượt qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là người ở trên bờ. Cũng vậy, Ta sẽ giảng nói cho các thầy nghe ve bảy hạng người được ví dụ với nước. Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời và lắng nghe. Đức Phật dạy: Thế nào là bảy hạng người? Hoặc có người chìm mãi, hoặc có người đã ra khỏi rồi chìm trở lại, hoặc có người ra khỏi và trụ lại; hoặc có người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn; hoặc có người ra khỏi rồi

trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn roi vượt qua; hoặc có người ra khỏi roi trụ lại, trụ lại roi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, vượt qua rồi đến bờ bên kia; hoặc lại có người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, vượt qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi, được gọi là Phạm chí ở trên bờ. Đây là bảy hạng người được ví dụ với nước mà Ta vừa giảng nói sơ lược. Các thầy có biết ý nghĩa thế nào, có phân biệt gì, do nhân duyên gì đối với những điều Ta vừa giảng giải ở trên?

1 Nguyên tác: Thủy dụ kỉnh (roi. 0026.4. 0424al3). Tham chiếu: thủy dụ kinh (roi. 0029. 0811b01); Tăng.(02. 0125.39.3. 0729c24);4 7.15 -IV. 11.

22 KINH TRƯNG A-HÀM

[0424b05] Bấy giờ? các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn: -Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyet giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật dạy: Các thây hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt nghĩa lý cho các thây! Bấy giờ? các Tỳ-kheo vâng lời và lắng nghe. Đức Phật dạy: -Thế nào là hạng người chìm mãi? Nghĩa là, có người bị những pháp bất thiện che lấp, bị đắm trước bởi nhiễm ô, nhận lãnh quả báo của pháp xấu ác, tạo gốc sanh tử, đó là hạng người chìm mãi, như người bị chìm rồi ở mãi dưới nước, Ta nói hạng người kia cũng lại như vậy. Đó gọi là hạng người thứ nhất được ví dụ với nước, trong the gian thật sự có hạng người như vậy. Thế nào là hạng người ra khỏi rồi chìm lại? Nghĩa là sau khi thoát khỏi những pháp bất thiện, có người đã sanh khởi lòng tin nơi pháp thiện, giữ giới, bố thí, nghe nhiều, có trí tuệ và tu tập các pháp thiện, về sau, người kia lại đánh mất lòng tin chưa vững chãi, thoái thất sự giữ giới, bố thí, nghe nhiều và trí tuệ không vững chãi, đó gọi là hạng người ra khỏi nước roi chìm lại. Như người chìm dưới nước, đã thoát ra được roi lại chìm, Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó gọi là hạng người thứ hai được ví dụ với nước, trong thế gian thật sự có hạng người như vậy. Thế nào là hạng người ra khỏi nước rồi trụ lại? Nghĩa là sau khi thoát khỏi những pháp bất thiện, có người đã phát khởi lòng tm nơi pháp thiện, giữ giới, bố thí, nghe nhiều, có trí tuệ và tu tập các pháp thiện. Ve sau, tín tâm của người đó vẫn vững chãi, không thoái thất; giữ giới, bố thí, nghe nhiều, trí tuệ đều vững chãi, không thoái thất, đó gọi là hạng người ra khỏi nước rồi trụ lại. Như người chìm dưới nước, ra khỏi nước rồi trụ lại, Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó gọi là hạng người thứ ba được ví dụ với nước, trong thế gian thật sự có hạng người như vậy. Thế nào là hạng người ra khỏi nước rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn? Nghĩa là sau khi thoát khỏi những pháp bất thiện, có người đã phát khởi lòng tin nơi pháp thiện, giữ giới, bố thí, nghe nhiều, có trí tuệ, tu tập các pháp thiện, về sau, tín tâm của người đó thêm vững chãi, không thoái thất; giữ giới, bố thí, nghe nhiêu, trí tuệ thêm vững chãi, không thoái thất, trụ vững trong pháp thiện, biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhan của khổ, biết như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt.2 Người đó biết như vậy, thấy

M^uventac: Tri khổ như chân, tri khổ táp, tri khổ diệt, tri khổ diệt đạo nhưr chân (,).Tham chiếu: M. 2, Sabbāsava Sutta {kỉnh tất cả các lậu hoặc):
So (idam dukkha 'nti yoniso manasi karoti, (ayam dukkhasamudayo 'ti yoniso manasi

karoti, (ayam dukkhanirodho 'ti yoniso manasi karoti, "ayarn dukkhanirodhagāminīpatipadā 'ti yoniso manasi karoti (Như lý tác ý: tcĐây là kh6”,,nhir tác ý: t4Đây là khô tap", như lý tác ý: t4Đây là khổ diet", như lý tác y: 4íĐây là con đương đưa đen kho died, HT. Thích Minh Châu dịch. ' '

4. KINH VÍ DỤ VỀ NƯỚC 23

như vậy, nên ba kiết sử là thân kiến, giới thủ và nghi3 liền dứt sạch. Ba kiết sử đã dứt sạch liền chứng quả Tu-đà-hoàn5 không còn rơi vào pháp xấu ác, quyết định thăng đên Chánh giác, chỉ còn thọ sanh bảy lân nữa, qua lại bảy lần trong cõi người hay cối trời liền vượt thoát khổ đau.4 Đó gọi là hạng người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn. Như người chìm trong nước, được ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ tư được ví dụ với nước, trong thế gian thật sự có hạng người như vậy. [0424c04] Thế nào là người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua? Nghĩa là sau khi thoát khỏi những pháp bất thiện, có người đã phát khởi lòng tin nơi pháp thiện, giữ giới, bố thí, nghe nhiều, có trí tuệ và tu tập các pháp thiện. Ve sau, tín tâm của người đó càng thêm vững chãi, không thoái thất; giữ giới, bố thí, nghe nhiều, trí tuệ càng thêm vững chãi, không thoái thất; trụ vững trong pháp thiện, biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhân của khổ, biêt như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt. Biết như vậy, thấy như vậy nên ba kiết sử là thân kiến, giới thủ và nghi liền dứt sạch. Ba kiêt sử đã dứt sạch, tham, sân và si giảm thiểu, chỉ còn một lần qua lại trong cõi người hay cõi trời. Sau khi qua lại một lan roi liền vượt thoát kho đau. Đó gọi là người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua. Như người chìm trong nước, ra khỏi nước rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, Ta nói người kia cũng lại như thế. Đó hạng người thứ năm được ví dụ với nước, trong the gian thật sự có hạng người như vậy. Thế nào là người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, qua rồi đến bờ bên kia? Nghĩa là, sau khi thoát khỏi những pháp bất thiện, có người đã phát khởi lòng tin nơi pháp thiện, giữ giới, bố thí, nghe nhiều, có trí tuệ và tu tập các pháp thiện, về sau, tín tâm của người đó càng thêm vững chãi, không thoai that; giữ giới, bố thí, nghe nhiều, trí tuệ càng thêm vững chãi, không thoái thất; trụ vững trong pháp thiện, biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhan của khổ, biết như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt. Biết như thế, thấy như thế, nên năm hạ phần kiết sử5 là tham dục? sân hận, thân kiến, giới thủ và nghi liền dứt sạch. Năm hạ phần kiết sử dứt sạch rồi, người này sanh vào cõi ấy6 roi nhập Niết-bàn, chứng pháp bất thoái chuyển, không trở lại thế gian nữa. Đó gọi là hạng người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại roi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, vượt qua rồi đên bờ

3 Tam kiết ,mà sarhyojcmdni: i Thân kiến ,sdkkdyadiHhi, h Giới cấm thủ , sīlabbataparāmāso, iii Nghi vicikicchā. 4 Khổ tế ,dukkhassantă'. Bờ mé cuối cùng của khổ, tức chấm dứt sự khổ. 5 Ngũ hạ phần kiết ,pañca orambhāgiya sarnyojana. Hạ phần chỉ cho Dục giới , Kāmadhātu, 5 loại kiêt sử đưa đên sự tái sanh ở Dục giới. Cũng gọi là^Ngũ thuận hạ

phân kief, gồm: i ThamQịc ,kāmarāga, ii Sân khuê vyāpāda, iii Thân kiên ,iv Giới /m t,& Nhi . 6 Sanh ư bỉ gian chỉ cho ngũ Bất Hoàn tn hay ngũ TịnhzCư thiên ,Suddhāvāsā, gồm: Vô Phiền ,Avihā, Vô Nhiệt ,Atappā, Thiện Kiên ,Sudassī, Thiện Hiện Sudassā, A-ca-nị-trá ,Akanittha.

bên kia. Như người chìm trong nước, ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, vượt qua rồi đến bờ bên kia, Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ sáu được ví dụ với nước, trong thê gian thật sự có hạng người như vậy. Thế nào là người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là vi Phạm chí ở trên bờ? Nghĩa là sau khi thoát khỏi những pháp bất thiện, có người đã phát khởi lòng tin nơi pháp thiện, giữ giới, bố thí, nghe nhiều, có trí tuệ và tu tập các pháp thiện, về sau, tín tâm của người đó rất vững chãi, không thoái thất; giữ giới, bố thí, nghe nhiều, trí tuệ đều rất vững chãi, không thoái thất; trụ vững trong pháp thiện, biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhân của khổ, biết như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt. Biết như vậy, thấy như vậy rồi nên tâm thoát khỏi dục lậu, tâm thoát khỏi hữu lậu và tâm thoát khỏi vô minh lậu.7 Giải thoát rồi, liền biết mình đã giải thoát và biết A r y

như thật răng: “Sanh tử đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,, Đó gọi là người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi, gọi là vị Phạm chí ở trên bờ. Như người chìm trong nước, ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, vượt qua rồi đến bờ bên kia, đen bờ bên kia roi, gọi là người ở trên bờ5 Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ bảy được ví dụ với nước, trong thế gian thật sự có hạng người như vậy. Như Ta đã nói sẽ giảng cho các thầy về bảy hạng người được ví dụ với nước, do vậy Ta đã giảng nói xong. Đức Phật dạy như vậy, các Ty-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

7 Dục lậu tâm giải thoát, hữu lậu, vô minh lậu tâm giải thoát ,:Tâm giải thoát khỏi phiên não trong cõi Dục, phiên não trong cõi sắc, Vô sắc và vô minh trong 3 cõi.

5. KINH VÍ DỤ ĐỐNG Gỗ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo tuần tự du hóa trong nhân gian rồi đến nước Câu-tát-la.12 Bấy giờ, đang đi giữa đườrig, Thế Tôn bỗng thấy đống gỗ3 lớn ở đằng xa đang bóc cháy bừng bừng. Thấy vậy rồi, Thế Tôn liền đi xuong bên đường rồi đên một cây khác, trải tọa cụ4 và ngồi kiêt-già. Khi đã ngồi xong, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo: -Các thầy có thấy đống gỗ lớn ở đằng kia đang bốc cháy bừng bừng không? Lúc ấy, các Tỳ-kheo thưa: -Thưa có thấy, bạch Thế Tôn! Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo: -Các thầy nghĩ sao? Nếu đến ôm9 hoặc ngồi, hoặc nằm với đống gỗ lớn đang bốc cháy bừng bừng so với việc đến ôm? hoặc ngồi, hoặc nằm với người con gái của dòng Sát-lợi,56Phạm chí,6 Tỳ-xá7 hay Thủ-đà-la8 trong độ tuổi thanh

xuân, đã tắm gội sạch sẽ, được xông ướp hương thơm, mặc y phục sạch đẹp rồi dùng tràng hoa, chuỗi ngọc đe trang sức thân the thì việc nào vui thích? Lúc ấy, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Nấu om, hoặc ngồi, hoặc nằm với đống gỗ lớn đang bốc cháy bừng bừng thì rất khổ. Bạch Thế Tôn! Nếu ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm với

1 Nguyên tác: Mộc tích dụ kinh roi. 0026.5. 0425al5. Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.33.10. 0689a04; A. 7.72 - IV. 128. 2 Câu-tát-la Kosala, quốc gia hùng mạnh đứng thứ 2 trong 16 nước ở thời Phật, nằm phía Tây Bắc nươc Ma-kiệt-đà Magadha, ranh giới tiếp giáp với nước Kasi. Quốc gia Kosala có con sông Sarayu chia đôi 2 miền Nam Bác. 3 Nguyên tác: Mộc tích Đống gỗ. Theo A. 7.72 - IV. 128, aggikkhandharn nghĩa là đống lửa. 4 Nguyên tác: Ni-sư-đàn nisīdand: Tọa cụ, dụng cụ dùng để trải ngồi hoặc nằm. 5 Sát-lợi ,Khattiyo, tầng lớp này thuộc về hàng vua chúa, chiến sĩ; là giai cấp thứ 2 trong 4 giai cấp ở Ần Độ. 6 Nguyên tác: Phạm chí ,Brāhmand. Đại bồn kinh roi. 0001.1. 0002al7rvà Tạp. 7.02. 0099.14. 0002c25 đều ghi là Bà-la-môn ,giai cấp thứ nhất trong 4 giai cáp ở An Độ thời Phật. 7 Nguyên tác: Cưsĩ. Tqr T.02. 0099.95. 0026ỒO5 ghi là Tỳ-xá hay Vessā, giai cấp thư 3 trong 4 giai cấp của Ấn Đọ thời Phật. 8 Nguyên tác: Công sư .Tiểu duyên kinh r.01. 0001.5. 0037a04 và Tạp.T.02. 0099.95. 0026ỒO5 ghi là Thủ-đà hay Thủ-đà-la ,Suddā, giai cap thứ 4 trong 4 giai cáp của Ấn Độ thời Phạt.

người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la ở độ tuổi thanh xuân, đã tắm gội sạch sẽ, được xông ướp hương thơm, mặc y phục sạch đẹp roi dùng tràng hoa, chuỗi ngọc trang sức thân thể thì thật vui thích, bạch Thế Tôn! [0425ỒO1] Đức Phật bảo: Ta sẽ giảng nói cho các thầy, không để cho các thay học làm Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Các thầy nếu muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà Ôm đông gô lớn đang bóc cháy bừng bừng kia, hoặc ngôi, hoặc năm với chúng. Cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khổ hoặc mất mạng nhưng không vì thế mà sau chết đi các thầy phải thẳng đến các cõi xấu ác, bị đọa vào địa ngục. Nêu người ngu si phạm giới, không chút siêng năng, sanh ra pháp ác và bất thiện, không phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn, hoặc ôm người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la ở độ tuổi thanh xuân, đã tắm gội sạch sẽ, được xông ướp hương thơm, mặc y phục sạch đẹp rồi dùng tràng hoa, chuỗi ngọc trang sức thân thể, hoặc ngồi, hoặc nằm với người đó thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tốt đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác, khi thân hoại mạng chung liền thẳng đến các cõi xấu ác, bị đọa vào địa ngục. Do đó, các thầy hãy suy ngam nghĩa nay, suy ngam nghĩa kia roi suy ngam ca hai nghĩa, hãy suy nghĩ thế này: uTa xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, được sanh vào các cõi lành để được sống lâu, được thọ nhận y phục, thực phẩm, giường nệm và thuốc thang của người tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn và được trí tuệ lớn." Các thầy nên học tập như vậy. Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: -Các thây nghĩ sao? Nêu như bi lực sĩ dùng sợi dây thừng băng lông thú9 cột siết bắp chân10 cho đến đứt da, đứt da rồi đứt thịt, đứt thịt rồi đứt

gân, đứt gân rồi đứt xương, đứt xương cho đến tủy mới thôi, hoặc theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận sự cúng thí, lại được xoa bóp thân thể, khớp xương và tay chân thì việc nào vui thích? Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu bị lực sĩ dùng sợi dây thtmg bằng lông thú cột siết bắp chân cho đến đứt da? đứt da rồi đứt thịt, đứt thịt rồi đứt gân, đứt gân rồi đứt xương, đứt xương cho đến tủy mới thôi thì rất khổ, bạch Thế Tôn! Còn nếu theo người dòng Sát-lợi9 Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để nhận sự cúng thí, lại được xoa bóp thân thể, khớp xương và tay chân thì thật vui thích, bạch Thế Tôn!

9 Nguyên tác: Mao thằng \ Đại trí độ luận T.25. 1509.5. 0098b28 ghi: Như Phật nói ví dụ dùng dây thừng bằng lông thú trói chặt người, cắt đứt xương và da; người tham lợi dưỡng bị đoạn mát gốc công đức cũng giông như vậy :•, . 10 Nguyên tác: Thuyên Bắp chân .Theo A. 7.72 - IV. Xl^.jañghā nghĩa là bắp chân.

5. KINH VÍ DỤ ĐỐNG Gỗ 27

Đức Phật bảo: -Ta sẽ giảng nói cho các thầy, không để cho các thầy học làm Sa-môn lại mát đạo Sa-môn. Nếu các thầy muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà để cho lực sĩ dùng sợi dây thừng bằng lông thú cột siết bắp chân cho đến đứt da, đứt da rồi đứt thịt, đứt thịt rồi đứt gân, đứt gân rồi đứt xương, đứt xương đên tủy mới thôi. Cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khổ hoặc mất mạng nhưng không vì thế mà sau chết đi các thầy phải thẳng đến các cối xấu ác hay bị đọa vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không chút siêng năng, sanh ra pháp ác và bất thiện, không phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn5 rồi theo người dòng Sát-lọi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận sự cúng thí, được xoa bóp thân thể, khớp xương và tay chân thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tốt đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác, sau khi thân hoại mạng chung liền thẳng đến các cõi xấu ác, bị đọa vào địa ngục. Vì thế, các thầy hãy suy ngẫm nghĩa này, suy ngẫm nghĩa kia rồi suy ngẫm cả hai nghĩa, hãy suy nghĩ thế này: “Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh vào các cõi lành để được sống lâu, được thọ nhận y phục, thực phẩm, giường nệm và thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn và được trí tuệ]ớn." Các thầy nên học tập như vậy. [0425C10] Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy nghĩ sao? Nếu bị lực sĩ dùng con dao đã mài giũa sắc bén chặt đứt ngang đùi, hay là theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để nhận sự lễ bái và cung kính đón rước của tín thí thì việc nào là vui thích? Bây giờ, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, nếu bị lực sĩ dùng con dao đã mài giũa sắc bén chặt đứt ngang đùi thì thật rất khổ, bạch Thế Tôn! Còn theo người dòng Sát-lợi5 Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để nhận sự lễ bái và cung kính đón rước của tín thí thì thật là vui thích, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại bảo: Ta sẽ giảng nói cho các thầy, không để các thầy học làm Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Nếu các thầy muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà để cho lực sĩ dùng dao bén đã mài giũa chặt đứt ngang đùi, cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khổ hoặc mất mạng nhimg không vì thế mà sau chết đi các thày phải

thẳng đến các cõi xấu ác hoặc bị đọa vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không chút siêng năng, sanh ra pháp ác và bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, rồi theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà"la mà nhận sự lễ bái và cung kính đón rước của tín thí thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tốt đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác, sau khi qua đời liền

thẳng đến các cõi xấu ác, bị đọa vào địa ngục. Do đó? các thầy nên suy ngẫm nghĩa này, suy ngẫm nghĩa kia rồi suy ngẫm cả hai nghĩa, nên nghĩ the này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh vào các cõi lành để được sống lâu, được thọ nhận y phục, thực phẩm, giường nệm và thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn và được trí tuệ lớn.^, Các thầy nên học tập như vậy. Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy nghĩ sao? Nếu bi lực sĩ nung lá đồng hay sắt cháy đỏ rực rồi quấn quanh thân thể, hoặc theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận y phục của tín thí thì việc nào là vui thích? [0426a03] Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, nếu bị lực sĩ nung lá đồng hay sắt cháy đỏ rực rồi quấn quanh thân thể thì thật rất khổ, bạch Thế Tôn! Nếu theo người dòng Sát-lọi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận y phục của tín thí thì thật vui thích, bạch Thế Tổn! Đức Phật bảo: -Ta sẽ giảng nói cho các thây, không đê các thây học làm Sa-môn lại mát đạo Sa-môn. Nếu các thày muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà để cho lực sĩ nung lá đồng hay sắt cháy đỏ rực rồi quấn quanh thân thể, cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khổ hoặc chết đi, nhưng không vì thế mà sau khi thân hoại mạng chung, các thay phải thẳng đến các cõi xấu ác hay bị đọa vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không chút siêng năng, sanh ra pháp ác và bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn? để rồi theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la mà thọ nhận y phục của tín thí thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tốt đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác, sau khi thân hoại mạng chung liền thẳng đến các cõi xấu ác, bị đọa vào địa ngục. Do đó, các thầy hãy suy ngẫm nghĩa này, suy ngẫm nghĩa kia rồi suy ngẫm cả hai nghĩa, nên nghĩ thế này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh vào các cõi lành để được sống lâu, được thọ nhận y phục, thực phẩm, giường nệm và thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn và được trí tuệ lớn.,^ Các thầy nên học tập như vậy. Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: -Các thây nghĩ sao? Nêu bị lực sĩ dùng kem sát nóng, kéo miệng há rộng ra rồi lấy hòn sắt đã nung cháy đỏ rực bỏ vào trong miệng. Hòn sắt nung cháy đó đốt cháy môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi đốt xuống dưới; hoặc theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để lãnh thọ thức ăn có vô số mùi vị của tín thí thì việc nào là vui thh?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, nếu bị lực sĩ dùng kềm sắt nóng, kéo miệng há rộng ra rồi lây hòn sát đã nung cháy đỏ rực bỏ vào trong miệng. Hon sắt nung cháy đó đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi đốt xuống dưới thì thật rất khổ9 bạch Thế Tôn! Còn nếu theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la đê lãnh thọ thức ăn có vô số mùi vị của tín thí thì thật là vui thích, bạch Thế Tôn! [0426b02] Đức Phật bảo: Ta sẽ giảng nói cho các thầy, không để các thầy học làm Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Nếu các thầy muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà để lực sĩ dùng kềm sắt nóng, kéo miệng há rộng ra rồi lấy hòn sắt đã nung cháy đỏ rực bỏ vào trong miệng. Hòn sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và r z r • 9

đót ruột, roi đót xuông dưới; cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khô hoặc mất mạng nhưng không vì thế mà sau chết đi các thầy phải thẳng đến các cõi xâu ác hay bị đọa vào địa ngục. Nêu người ngu si phạm giới, không chút siêng năng, sanh ra pháp ác và bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn5 lại theo người dòng Sát-lọi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận sự dâng cúng thức ăn có vô số mùi vị thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tốt đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác? sau khi thân hoại mạng chung liên thăng đên các cõi xâu ác, hay bị đọa vào địa ngục. Vì thê, các thây nên suy ngâm nghĩa nay, suy ngam nghĩa kia roi suy ngam cả hai nghĩa, nen nghĩ thế này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc, sanh vào các cõi lành để được sống lâu, được thọ nhận y phục, thực phẩm, giường nệm và thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn và được trí tuệ lớn.,, Các thây nên học tập như vậy. Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: —Các thầy nghĩ sao? Nếu bị lực sĩ nung giường bằng sắt hay bằng đồng cháy đỏ rực, rồi ép buộc người kia phải nằm hoặc ngồi trên đó? hoặc là theo các người dòng Sát-lọi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ lãnh giường chõng, mền nệm của tín thí thì việc nào là vui thích? Lúc đó5 các Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn, nếu bi lực sĩ nung giường bằng sắt hay bằng đồng cháy đỏ rực rồi ép buộc người kia phải ngồi hoặc nằm trên đó thì thật rất kho, bạch Thế Tôn! Còn nếu theo các ngươi dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà- la để thọ lãnh giường chõng, mền nệm của tín thí thì thật là vui thích, bạch The Tôn!

30 KINH TRƯNG A-HÀM

Đức Phật dạy: Ta sẽ giảng nói cho các thầy, không để cho các thầy học làm Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Nếu các thầy muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà để cho lực sĩ nung giường bằng sắt hay bằng đồng cháy đỏ rực, rồi ép phải nằm hoặc ngồi trên đó, cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khổ hoặc mất mạng nhưng không vì thế mà sau chết đi các thầy phải thẳng đến các cõi xấu ác hay bi đọa vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không chút siêng năng, sanh ra pháp ác và bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn lại xưng là Sa-môn, rồi theo những người Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ- xá hay Thủ-đà-la để thọ lãnh giường chõng, mền

nệm của tín thí thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tót đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác, sau khi thân hoại mạng chung liên thăng đên các cõi xấu ác hay bi đọa vào địa ngục. Vì thế, các thầy hãy suy ngẫm nghĩa này, suy ngẫm nghĩa kia rồi suy ngẫm cả hai nghĩa, nên nghĩ the này: “Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh vào các cõi lành, được sống lâu, được thọ nhận y phục, thực phẩm, giường nệm và thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả bảo lớn và được trí tuệ lớn.,, Các thay nên học tập như vậy. [0426C10] Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy nghĩ sao? Nếu bị lực sĩ đốt cái vạc lớn bằng đồng hay bằng sắt cháy đỏ rực, rồi xốc ngược một người thả vào trong vạc, hoặc theo người Sát- lợi? Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận nhà cửa, phòng ốc được tô trét bùn đất, cửa nẻo kín đáo chắc chắn, có lò sưởi ấm áp của tín thí thì việc nào là vui thích? Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, nếu bị lực sĩ đốt cái vạc lớn bằng đồng hay sắt cháy đỏ rực rồi xốc ngược một người thả vào trong vạc thì quá khổ sở, bạch Thế Tôn! Còn nếu theo những người Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận nhà cửa, phòng ốc được tô trét bùn đất, có cửa nẻo kín đáo chắc chắn, có lò sưởi ấm áp của tín thí thì thật vui thích, bạch Thế Tôn! Đức Phật bảo: Ta sẽ giảng nói cho các thầy, không để các thầy học làm Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Nếu các thầy muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà để cho lực sĩ đốt cái vạc lớn bằng đồng hay bằng sắt cháy đỏ rực rồi xốc ngược một người thả vào trong vạc, cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khổ hoặc mất mạng nhưng không vì thế mà sau chết đi các thầy phải thẳng đến các cối xấu ác hay bị đọa vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không chút siêng năng, sanh ra pháp ác và bát thiện, chăng phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà ximg là Sa-môn, theo người Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la đê thọ nhận nhà cửa, phòng ốc được tô trét bùn đất, cửa nẻo kín

5. KINH VÍ DỤ ĐỐNG G 31

đáo chắc chắn, có lò sưởi ấm áp của tín thí thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tốt đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác sau khi thân hoại mạng chung liền thẳng đến các cõi xấu ác hay bị đọa vào địa ngục. Vì thế, các thầy hãy suy ngẫm nghĩa này, suy ngẫm nghĩa kia rồi suy ngẫm cả hai nghĩa, nên nghĩ thế này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh vào các cõi lành, được sông lâu, được thọ nhận y phục, thực phàm, giường nệm, thuôc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn và được trí tuệ lớn.” Các thầy nên học tập như thế. [0427a03] Khi đức Phật dạy bài pháp này xong thì có sáu mươi Tỳ-kheo trừ sạch tát cả phiên não, giải thoát mọi kiêt sử, sáu mươi Tỳ-kheo xả giới, hoàn tục. Vì sao như thế? Vì những lời chỉ dạy của đức Thế Tôn rất sâu xa, rất khó hiểu, sự học đạo lại càng sâu và càng khó hơn. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.1111

11 Bản Hán, hết quyển 1.

6. KINH NƠI NGƯỜI HIỀN ĐI ĐẾN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Ta sẽ

giảng nói cho các thầy về bảy nơi mà bậc Hiền thiện12 đi đến và thể nhập Vô dư Niết-bàn.3 Các thầy hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Lúc đó, các Tỳ-kheo vâng lời lang nghe. Phật dạy: - Bảy nơi ấy gồm những gì? Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: “Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở? ở tương lai không có ngã cũng không có ngã sở, những gì thuộc về sanh hữu4 thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả,5 không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi sanh.6,^ Thực hành như thê thì có trí tuệ và thây được con đường vô thượng tịch tĩnh7 nhtmg vân chưa được chứng ngộ.8 Tỳ-kheo thực hành như thế thì sẽ đi đen nơi nào? Ví như đốt trấu, vừa nhúm lên liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, còn chút ít mạn chưa diệt trừ, nhimg năm hạ phần kiết sử đã diệt trừ hết, chứng đắc Trung

1 Quyển 2. Nguyên tác: Thiện nhân vãng kinh roi. 0026.6. 0427al3. Tham chiếu: A. 7.55 -IV. 70. 2 Thiện nhân chỉ cho bậc Chân nhân Sappurỉsà, hạng người đã bước vào dòng Thánh. 3 Vô dưNiết-bàn .Tăng.7.02.0125.16.2. 0578al2 định nghĩa: Thế nào gọi là cảnh giới Vô dư Niết-bàn? Đó là vị Tỳ-kheo dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, tự thân tác chứng rồi tự an trú và biết như thật rằng: uSanh tử đã chấm dưt, Phạm hạnh đã thanh tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,, Đó gọi là cảnh giới Vô dư Niết-bàn. ỉ;, :: „O®^. Đại tri độ luận 7.25. 1509.031. 0288c07 bo sung: Thân ngũ nân của bậcThánh trong đời hiện tại được đoạn trừ, lại không tiếp tục thọ thân nữa, nên gọi là Vô dư Niết-bàn .Theo A. 7.55 - IV. 70, gọi là Niết-bàn không còn chấp thủ Anupādāparinibbāna,. 4 Nguyên tác: Dĩ hữu .Tham chiếu: A. 7.55 - IV. 70: Yadatthi yam bhūtarn những gì có mặt, nhưng gì hiện hữu. 5 Đắc xupekkham patilabhatī'. Đạt được tâm xả. 6 Hữu lạc bất nhiễm, hiệp hội bất trước .p So bhave na rajjati, sambhave na rcyjati vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu, HT. Thích Minh Châu dịch. 7 Vô thượng tức tích :Con đường tịch tĩnh tối thượng. 8 Vị đắc chứng .Theo 4 7.55 - IV. 70: Tam ca khvassapadam na sabbena sabbam sacchikatam hoti vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ây, HT. Thích Minh Châu dịch.

Bát-niết-bàn.9 Đó là nơi đi đến của bậc Hiền thiện thứ nhất. Thế gian quả thật có hạng người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: “Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở, vi lai không có ngã cũng không có ngã sở, những gì thuộc về sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả, không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi sanh." Thực hành như thế thì có trí tuệ và thấy được con đường vô thượng tịch tĩnh, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế thì sẽ đi đến nơi nào? Ví như nung sắt cháy đỏ rực rồi dùng búa đập, mạt lửa văng lên hư không rồi liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa diệt trừ nhưng năm hạ phần kiết sử đã diệt trừ hết, chứng đắc Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc Hiền thiện thứ hai. Thế gian quả thật có hạng người như vậy. [0427b03] Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở, vi lai

không có ngã cũng không có ngã sở, những gì thuộc về sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả, không đam nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi sanh." Thực hành như the thì có trí tuệ và thấy được con đường vô thượng tịch tĩnh, nhimg vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thê thì sẽ đi đên nơi nào? Ví như nung sát cháy đỏ rực roi dùng búa đập5 mạt lửa văng lên hư không roi rơi xuống lại nhưng chưa chạm đất liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa diệt trừ, nhưng năm hạ phần kiết sử đã diệt trừ hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đen của bậc Hiền thiện thứ ba. The gian quả thật có hạng người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở, vi lai không có ngã cũng không có ngã sở, những gì thuộc ve sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả, không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mác nơi sanh.,, Thực hành như thê thì có trí tuệ và thây được con đường vô thượng tịch tĩnh, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như the thì sẽ đi đen nơi nào? Ví như nung sắt cháy đỏ rực rồi dùng búa đập, mạt lửa văng lên rồi rơi xuống, chạm đất thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như the, còn chút ít mạn chưa diệt trừ, nhưng năm hạ phần kiết sử đã diệt trừ

9 Trung Bát-niết-bàn ậs, Antarāparinibbāyī. Tập dị môn túc luận r.26.
1536.14. 0426a03 giải thích: Đó là hạng người ngay trong đời hiện tại đã đoạn trừ 5 hạ phần kiết nhưng chưa đoạn trừ được 5 thượng phần kiết, dị thục nghiệp được sanh khởi, tạo tác và tang trưởng rồi sanh phi dị thục ĩighiệp. Khi thân hoại mạng chung, vị đó nương thân trung hữu để sanh lên trời sắc giới rồi chứng đăc như thật vô lậu đạor lực, tiên lên đoạn trừ các kiêt sư còn lại và chứng nhập Niết-bàn, đó gói là hạng người Trung Bat-niet-ban w w#flip B,^,
, .Ve tư ctrungu”
;Tam-di-de bọ luânZ32. 1649.2. 0467Ồ20 cho biết đó chính là "thân trung ấm.^,

6. KINH NƠI NGƯỜI HIỀN ĐI ĐẾN 35

hết, chứng Sanh Bát-niết-bàn.1011Đó là nơi đi đến của bậc Hiền thiện thứ tư. Thế gian quả thật có hạng người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: “Ta vốn không có ngã và cũng không có ngã sở, vi lai không có ngã và cũng không có ngã sở, những gì thuộc về sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả, không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi sanh." Thực hành như thế thì có trí tuệ và thây được con đường vô thượng tịch tĩnh, nhưng vân chưa được chứng ngộ. Tỳ- kheo thực hành như thế thì sẽ đi đến nơi nào? Ví như nung sắt cháy đỏ rực rồi dùng búa đập, mạt lửa văng lên rồi rơi xuống trên nhúm cỏ cây, liền bốc khói hoặc bùng cháy, vừa cháy liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa diệt trừ, nhưng năm hạ phần kiết sử đã đoạn trừ hết, chứng Hành Bát-niết-bàn.11 Đó là nơi đi đến của bậc Hiền thiện thứ năm. Thế gian quả thật có hạng người như vậy. Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở, vị lai không có ngã cũng không có ngã sở, những gì thuộc về sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả, không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi sanh." Thực hành

như thế thì có trí tuệ và thấy được con đường vô thượng tịch tĩnh, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ- kheo thực hành như thế thì sẽ đi đến nơi nào? Ví như nung sắt cháy đỏ rực rồi dùng búa đập, mạt lửa văng lên hư không roi rơi xuống trên đám cỏ cây, liên bốc khói hoặc bùng cháy, cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa diệt trừ, nhưng năm hạ phần kiết sử đã diệt trừ hết,

10 Sanh Bát-niết-bàn Upahaccaparinibbāyī. Tập dị môn túc luận 7.26. 1536.14. 0426a12 giải thích: Đó là hạng người ở ngay trong đời hiện tại đã đoạn trừ, đã biết rõ 5 hạ phần kiết nhưng chưa đoạn trừ và chưa biết rõ 5 thượng phần kiết, dị thục nghiệp được sanh khởi, tạo tác và tăng trưởĩig rồi sanh phi dị thục nghiệp. Khi thân hoại mạng chung, vị đọ nương thân trung hữu để sanh lên và an trú ở trời sắc giới. Khi sanh vào cõi đó chưa bao lâu thì chứng đắc như thật Vô lậu đạo lực rồi tiến lên đoạn trừ các kiết sử còn lại và chứng nhập Niết-bàn, đó gọi là hạng người Sar± Bát-niệt-bàn ỉE

7 11 Hành Bát-niết-bàn hay Hữu hành Bát-niết-bàn .Sasañkhāraparinibbāyī. Tập dị môn túc luận 7.26. 1536.14. Q426a23 giải thích: Đó là hạng người ở ngay trcmg đời hiện tại đã đoạn trừ, đã biết rõ 5 hạ phần kiết nhưng chưa đoạn trừ và chưa biết rõ 5 thượng phần kiết, dị thục nghiệp được sanh khởi, tạo tác và tăng trưởng rồi sanh phi dị thục nghiệp. Khi thân hoại mạng chung, vị đó nương thân trung hữu để sanh lên và an trú ở trời sác giới? Khi sanh vào cõi đó mọt thời gian, do nương vào sự tụ tập, nương vào sự nỗ lúc, nhờ vào nô lực mà tác ý tu tập không ngưng nghỉ về các trợ đạo, để rồi sau đó đọan trừ các kiết sử còn lại và chứng nhận Niet-ban, đo gọi là hạng người Hữu hanh Bát:niết-bàn , Bfr ME.
ỈI, j.

chứng VÔ hành Bát-niết-bàn.12 Đó là nơi đi đến của bậc Hiền thiện thứ sáu. Thế gian quả thật có hạng người như vậy. [0427c06] Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: “Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở, vị lai không có ngã cũng không có ngã sở, những gì thuộc về sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả, không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi sanh." Thực hành như thế thì có trí tuệ và thấy được con đường vô thượng tịch tĩnh, ĩihtmg vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế thì sẽ đi đến nơi nào? Ví như nung sắt cháy đỏ rực roi dùng búa đập, mạt lửa văng lên hư không, rơi xuồng đông cỏ cây, liên bóc khói rồi bùng cháy cả thôn ấp, thành trì, rừng núi, đồng nội. Ngọn lửa thiêu rụi hết thôn ấp, thành trì, rừng núi, đồng nội, hoặc cháy lan đến đường đi, hoặc mé nước rồi đến đất bằng thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa diệt trừ, nhưng năm hạ phân kiêt sử đã diệt trừ hét, chứng Thượng lưu A-ca-nị-tra Niết-bàn.13 Đó là nơi đi đến của bậc Hiền thiện thứ bảy. Thế gian quả thật có hạng người như vậy. Thế nào là Vô dư Niết-bàn? Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở, vị lai không có ngã cũng không có ngã sở? những gì thuộc ve sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả? không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi

sanh." Thực hành như thế thì có trí tuệ và thấy được con đường vô thượng tịch tĩnh và đã được chứng ngộ. Ta nói rằng, Tỳ-kheo đó không cần đến phương Đông, không cần đến phương Tây, phương Nam, phương Bắc, bốn phương phụ và hai phương trên dưới mà ngay trong hiện đời chứng được đạo tịch tĩnh, diệt độ. Ta đã giảng nói về bảy nơi mà bậc Hiền thiện đi đến và nhập Vô dư Niết- bàn, là nhân đó mà nói. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

12 VQhành Bát-niết-bàn ,Asañkhāraparinibbāyī'. Sau khi tái sanh ở trời sắc giới, không do nô lực tu tập mà nhập Niêt-bàn. Tập dị môn túc luận 26. 1530.14. 0426ỒỒ07 giải thích: Đó là hạng người ơ ngay trong dơi hiện tại đã đoạn trừ, đã biết rõ 5 hạ phần kiết nhưng chưa đoạn trừ và chưa biết rõ 5 thượng phần kiết, dị thục nghiệp được sanh khởi, tạo tác và tăng trương rồi sanh phi dị thục nghiệp. Khi thân hoại mạng chung, VỊ đó nương thân trung hữu để sanh len vàgn trú ở trời Sắc giới. Khi saiửi vào cõi đó một thờl gian, không cần nương vào sự tu tập, không cần nỗ lực, không cần nỗ lực tác ý tu tập không ngưng nghi các trợ đạo để rồi sau đó đoạn tmcac kiết còn lại va chứng nhập Niet-bar^ đó gọi là hạng người Vô hành Bát-niết-bàn , ' *:, n

13 Thượng lưu A-ca-ni-tra Niet-ban Uddhamsoto akanitthagāmiri hay Thượng lưu Săc Cứu Cánh Niêt-bàn .Tập dị môn túc luận 0.26. 1536.14. 0426b 18 giải thích: Đó là hạng người ở ngay trong đờirhiện tại đã đoạn trừ, đã biết rõ 5 hạ phần kiết nhung chưa đoạn trừ v chua biêt rõ năm thượng phan kiết... rồi lần lượt tái sanh nơi cõi Vô Phiền thiên ,là cõi tìiứ nhát của ngũ Tinh Cư thiên E,sau đó tiêp tục thanh lọc tâm tại 3 cõi kế: Vô Nhiệt thiên Thiên Kiên thiên 7#,Thiện Hiện thiên ,cuối cùng là cõi sắc Cứu Cánh thiên rồi thể nhập Niết-bàn ở đó. J

7. KINH PHƯỚC THẾ GIAN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa Câu-xá-di12 rồi ngụ tại vườn Cù-sa-la.3 Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả Ma-ha Châu-na4 rời nơi tĩnh tọa đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Ngài có thể giảng giải cho con nghe về phước thế gian được chăng? Đức Phật bảo: Có the được, Châu-na! Có bảy loại phước the gian, được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. Bảy phước ấy là gì? Này Châu-na! Người thiện nam hay người thiện nữ5 nào cúng dường nhà cửa, lau gác cho chúng Tỳ-kheo. Này Châu-na! Đó là loại phước thế gian thứ nhất được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. [0428a05] Lại nữa, này Châu-na! Tại trú xứ của chư Tăng,6 người thiện nam hay người thiện nữ nào cúng dường giường năm, tòa ngôi, thảm lông, nệm lông, nệm giạ và mền chiếu. Này Châu-na! Đó là loại phước thế gian thứ hai được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. Lại nữa, này Châu-na! Tại trú xứ của chư Tăng, người thiện nam hay người thiện nữ nào cúng dường tất cả các loại y phục mới, sạch đẹp. Này Châu-na! Đó là loại phước the gian thứ ba được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. Lại nữa, này Châu-na! Tại trú xứ của chư Tăng, người thiện nam hay người thiện nữ nào thường xuyên cúng dường cháo buổi sáng và thực phẩm buổi trưa

1 Nguyên tác: Thế gian phước kinh roi. 0026.7. 0427c25. Tham chiếu: Tăng.r02. 0125.40.7. 0741Ồ24. 2 Câu-xá-di Kosambī còn gọi ỊàxKiêu-thưởng-di thủ đô của nước Bạt-sa , Vamsa, Thánh tích này hiện nay thuộc vê Ấn Độ, cách Allahabad khoảng 45km vê phía Tây Nam. 3 Cù-sa-la Ghositārāma hạy Cù-sư-la ,tinh xá trong khu rừng ở Kosambī, do trưởng giả Cù-sa-ìa Ghosaka xây dựng để cúng dường Phật va chúng Tăng? 4 Ma-ha Châu-na Mahācunda. 5 Nguyên tác: Tộc tánh nam, tộc tánh nữ :Người thiện nam, người thiện nữ. 6 Ư phòng xá trung n. Phòng xá còn được dịch là "trú xứ”tctọa ngọa sở,? í4tọa ngọa xứ”senāsanāni.

cho chúng Tăng; lại cung cấp người làm vườn để giúp việc; hoặc khi gió mưa, tuyết lạnh, đích thân đến khu vườn để cúng dường và chu cấp thêm; các Tỳ- kheo sau khi thọ thực, không lo gió mưa, tuyết lạnh thấm ướt y phục để ngày đêm yên vui thiền định, tư duy. Này Châu-na! Đó là loại phước thế gian thứ bảy được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. Này Châu-na! Người thiện nam hay người thiện nữ nào đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi, hoặc đi hay đến, hoặc đứng hay ngoi, hoặc ngủ hay thức, hoặc ngày hay đêm thì phước ấy vẫn thường sanh, càng lúc càng tăng thêm, càng lúc càng nhân rộng. Này Châu-na! Ví như nước sông Hằng-già7 từ nguồn chảy ra rồi tuôn vào biển cả, trong suốt thời gian đó càng lúc càng sâu, càng lúc càng rộng. Cũng vậy, này Châu-na, nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi, hoặc đi hay đến, hoặc đứng hay ngồi, hoặc ngủ hay thức, hoặc ngày hay đêm thì phước ấy thường sanh, càng lúc càng tăng thêm, càng lúc càng nhân rộng. Bây giờ, Tôn giả Ma-haA e Châu-na từ chô ngôi đứng dậy, sửa áo bày vai bên ỉ r .

phải, gói phải quỳ sát đất roi chăp tay bạch Phật: -Bạch đức Thế Tôn! Ngài có thể chỉ dạy cho con về phước đức xuất thế gian được chăng? Đức Phật bảo: -Có thê được, Châu-na! Lại có bảy loại phước xuât thê gian, được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. Bảy phước ấy là gì? Này Châu-na! Người thiện nam hay người thiện nữ nào nghe Như Lai hay đệ tử của Như Lai hành hóa ở xứ nào đó, nghe rồi hoan hỷ? trong lòng rất phấn khởi. Này Châu-na! Đó là loại phước xuất thế gian thứ nhất được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. [0428b03] Lại nữa, này Châu-na! Người thiện nam hay người thiện nữ nào nghe Như Lai hay đệ tử của Như Lai từ nơi kia muốn đến nơi này, nghe rồi hoan hỷ9 trong lòng rất phấn khởi. Này Châu-na! Đó là loại phước xuất thế gian thứ hai được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. Lại nữa, này Châu-na! Người thiện nam hay người thiện nữ nào nghe Như Lai hay đệ tử của Như Lai từ nơi kia đã đến nơi này, nghe rồi hoan hỷ, lòng rất phấn khởi, với tâm thanh tịnh đích thân đến thăm hỏi; lễ lạy; cúng dường. Cúng dường xong lại lãnh thọ ba pháp quy y; đối trước Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo mà lãnh thọ giới cấm. Này Châu-na! Đó là loại phước xuất thế gian

7 Hằng-già ,Gañgā: Sông Hằng, con sông quan trọng và linh9thiêng bậc nhất theo quan điểm của người An Độ, băt nguôn từ dãy Himalaya, chảy dài 2.510km rồi đổ vào vinh Begal.

7. KINH PHƯỚC THẾ GIAN 39

thứ bảy8 được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. Này Châu-na! Nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào đã tạo được bảy loại phước thế gian, lại có thêm bảy loại phước xuất thế gian này nữa thì phước của người đó không thể tính được là có bao nhiêu phước, có bao nhiêu phước quả, có bao nhiêu phước báu, chỉ có thể nói là không thể giới hạn, không thể đo lường, không thể biết được số phước lớn ấy. Này Châu-na! Ví như năm con sông trong châu Diêm-phù là Hằng-già, Diêu-vxru-na, Xá-lao-phù9 A-di-la-bà-đề và Ma-xí9 tuôn nước vào biển cả, trong suốt thời gian đó, không thể tính được số nước là bao nhiêu thăng, bao nhiêu hộc, chỉ có thể nói là không thể giới hạn, không thể đo lường, không thể biêt được sô nước lớn đó. Cũng vậy, này Châu-na! Nêu người thiện nam hay người thiện nữ nào đã tạo được bảy phước thế gian, lại có thêm bảy loại phước xuất thế gian này nữa thì phước của người đó không thể tính đếm có bao nhiêu phước, bao nhiêu phước quả, bao nhiêu phước báu, chỉ có the nói không thể giới hạn, không thể đo lường, không thể biết được số phước lớn đó. Bay giơ, Thê Tôn liên noi kệ: Con sông Hằng-già, Trong sạch dễ qua, Biển nhiều châu báu, Vua các dòng sông. Cũng như nước sông, Người đời kính phụng, Các sông chảy về, Đều vào biển lớn. Cũng vậy, người nào, Cúng áo, thực phẩm, Giường chõng, nệm chăn, Vật dụng để ngồi. Phước báu không lường, Đưa đến cõi lành, Cũng như nước sông, Tuôn ve biên ca. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Ma-ha Châu-na và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

8 Đoạn này nêu chung 5 thứ gồm: thăm hỏi, lễ lạy, cúng dường, thọ 3 pháp quy y, thọ 5 giới; cộng với 2 loại ở ưến thành 7 loại. 9 Năm con sông lớn, gồm: Hằng-giàfi,Gañgā, Diêu-vưu-na is,Yāmunā, Xá-lao-phù Sarabhū, A-di-la-bà-đề ,Aciravatī và Ma-xí ,Mahī.

8. KINH BẢY MẶT TRỜI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Tỳ-xá-ly/ ngụ trong vườn Xoài.123 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Tất cả pháp hữu vi4 đều vô thường, là pháp không tồn tại mãi, là pháp nhanh chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy không nên tham đắm mà cần phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cầu giải thoát. Vì sao như vậy? Vì có những lúc không mưa. Khi không có mưa thì tất cả cay cối, trăm thư lua mạ, cây thuốc đều bị khô héo, gãy đổ chết sạch, không thể sống mãi. Vì thế, tất cả pháp hữu vi đều vô thường, là pháp không tồn tại mãi, là pháp nhanh chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy, không nên tham đắm mà cần phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cau giải thoát. Lại nữa, có lúc hai mặt trời cùng xuất hiện trong đời. Khi hai mặt trời xuất hiện thì các dòng nước ở kênh, mương, sông ngòi thảy đều khô cạn, không thể đầy mãi. Vì thế, tất cả pháp hữu vi đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài, là pháp nhanh chóng đổi thay, là pháp không thể nương tưa. Các pháp hữu vi như vậy, không nên tham đắm mà cần phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cầu giải thoát. Lại

nữa, có lúc ba mặt trời cùng xuất hiện trong đời. Khi ba mặt trời cùng xuất hiện thì tất cả các dòng sông lớn đều khô cạn, không thể đầy mãi. Do đó, tất cả pháp hữu vi đều vô thường, là pháp không ton tại lâu dài, là pháp nhanh chóng

1 Nguyên tác: Thất nhật kỉnhroi. 0026.8. 0428c07. Tham chiếu: Tảt-bảt-đa tô-lý-du-nạỉ- dã kinh TOI. 0030. 0811CÍ9; Tg.T02. 0125.40.1. 0735b20;
A. 7.66 -IV. 100. 2 Tỳ-xá-ly ặậ,Vesālī, một trong 16 nước thời Phật tại thế ở Trung Ấn, là thủ phủ của bộ tộc Ly-xa và là quê hương của cư SI Duỵ-ma-cạt. Sau khi đức Phật nhập Niet-ban^khoảng 100 năm, nơi đây diễn ra Đại hội Kết tập kinh điển lan thứ hai, với sự tham dự của 700 vị Hiền thánh, gọi là "Thất bách kết tập.” 3 Nại-thị thọ viên cbn gọ\là 'gm-la viênJtức vườn xoài Ambārāma. Nại dùng như chữ t4nai,9 ,thuộc họ Tần ,gọi là tần quả SM tức trái táo. Theo Phiênrdịch danh nghĩa tập .54. 2131.7. 1167c08, quả1giống trái đào hoặc giống trái táo .ở đây, Nại-thị thọ viên là vườn cây của bà Amba được hiêu là vườn xoài của bà Ambapāli. 4 Hành ,saùkhãrà, nguyên nghĩa chỉ sự tạo tác, về sau mang nghĩa các pháp hữu vi.

đổi thay, là pháp không thể nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy, không nên tham đam mà cần phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cau giải thoát. Lại nữa, có lúc bôn mặt trời cùng xuất hiện trong đời. Khi bôn mặt trời cùng xuất hiện thì các dòng suối lớn chảy ra năm con sông lớn trên châu Diêm-phù là Hằng-già, Diêu-vxru-na5 Xá-lao-phù? A-di-la-bà-đề và Ma-xí, các nguồn suối lớn ấy đều khô cạn cả5 không thể đầy mãi. Do đó, tất cả pháp hữu vi đều vô thường, là pháp không tôn tại lâu dài, là pháp nhanh chóng đôi thay, là pháp không thể nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy không nên tham đắm mà cần phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cau giải thoát. [0429a01] Lại nữa, có lúc năm mặt trời cùng xuất hiện trong đời. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện thì nước trong biển lớn giảm xuống một trăm do-tuần/ giảm dần cho đến bảy trăm do-tuần. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước trong biên còn bảy trăm do-tuân giảm dân cho đên còn một trăm do-tuân. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước trong biển lớn giảm xuống từ một cây đa-la56 giảm dần đên băng bảy cây đa-la. Khi năm mặt trời cùng xuât hiện, nước trong biên còn bằng bảy cây đa-la giảm dần cho đến còn một cây đa-la. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển giảm xuống bằng một thân người, giảm dần cho đến bằng bảy thân người. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển còn bằng bảy thân người, giảm dần cho đến còn bằng một thân người. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước biên giảm dân đên cô5 đên vai, đên lưng, đên đùi, đên đâu gói, đên mát cá chân, cho đến lúc nước biển cạn kiệt, không đủ ngập một ngón chân. Do đó? tát cả pháp hữu vi đêu vô thường, là pháp không tôn tại lâu dài, là pháp nhanh chóng đổi thay, là pháp chẳng thể nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy, không nên tham đắm mà phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cầu giải thoát. Lại nữa, có lúc sáu mặt trời cùng xuất hiện trong đời. Khi sáu mặt trời cùng xuất hiện, tất cả mặt đất và núi chúa Tu-di thảy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Ví như thợ gốm lúc mới đốt lò, tất cả cửa lò đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Như vậy, khi sáu mặt

trời cùng xuất hiện, tất cả mặt đất và núi chúa Tu-di thảy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Do đó, tất cả pháp hữu vi đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài, là pháp nhanh chóng đổi thay, là pháp không the nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy, không nên tham đắm mà phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cầu giải thoát. Lại nữa, có lúc bảy mặt trời cùng xuất hiện trong đời. Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, tát cả mặt đát và núi chúa Tu-di bông bóc cháy bừng bừng, tạo thành ngọn lửa cực lớn. Như vậy, lúc bảy mặt trời cùng xuất hiện, tất cả mặt đất và núi chúa Tu-di bỗng bốc cháy bừng bừng, tạo thành một ngọn lửa cực lớn, gió

5 Nguyên tác: Do-diên . 6 Đa-la tāla: Thực vật thuộc họ Cau Palmyra, tuổi thọ có khi đến 100 năm, cao khoảng 30m, tên khoa học Borassus Flabellifer, cũng gọi là cây thốt nốt hay cây cọ, thời xưa thương dùng lam đơn vị đo chiều cao. J J

thổi ngọn lửa ấy cháy bùng lên đến trời Phạm thiên. Lúc đó, các vị trời Hoảng Dục7 vừa mới sanh lên cõi này nên không hiểu rõ sự thành hoại của thế gian. Do không thấy được sự thành hoại của thế gian nên không biết rõ sự thành hoại của thế gian. Khi thay ngọn lửa cực lớn đó5 họ đều khiếp sợ, toàn thân sởn gai ốc roi thầm nghĩ: "Ngon lửa không đến đây chứ? Ngọn lửa không đến đây chiì?" Các vị trời sanh trước đã hiêu rõ sự thành hoại của thê gian, đã thây được sự thành @ r r .c :c hoại của thê gian, biêt rõ sự thành hoại của thê gian nên khi thây ngọn lửa cực lớn đó liền an ủi các vi trời kia rằng: "Chớ nên khiếp sợ! Ngọn lửa chỉ cháy đến đó, không bao giờ đen nơi này." Khi bảy mặt trời xuất hiện thì núi chúa Tu-di sụp đổ, tan chảy dần dần từ một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, cho đến bảy trăm do-tuần. Khi bảy mặt trời xuất hiện, núi chúa Tu-di và mặt đất này bị thiêu rụi, tan chảy, mát sạch, không còn chút tro tàn. Như đót dâu bơ, cháy đên tiêu hét không còn khói đen. Cũng vậy, khi bảy mặt trời xuất hiện thì núi chúa Tu-di và mặt đất này không còn chút tro tàn. Do đó? tất cả pháp hữu vi đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài? là pháp chóng thay đổi, là pháp không thể nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy, không nên tham đắm mà phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa5 phải tìm cầu giải thoát. [0429b07] Nay Ta giảng nói cho các thầy, núi chúa Tu-di sẽ sụp đổ, tan hoại, ai có thể tin điều này? Chỉ có những người thấy được sự thật mà thôi. Nay Ta giảng nói cho các thầy, nước trong biển cả sẽ khô cạn hết, ai có thể tin được? Chỉ có những người thấy được sự thật mà thôi. Nay Ta giảng nói cho các thày, tất cả mặt đất sẽ bị cháy sạch, ai có thể tin được? Chỉ có những người thấy được sự thật mà thôi. Vì sao như vậy? Này Tỳ-kheo! Thuở xưa, có vị đại sư tên là Thiện Nhãn, là bậc tôn sư của các tiên nhân ngoại đạo, xa lìa dục và ái, chứng đắc Như ý túc. Đại sư Thiện Nhãn có vô lượng trăm ngàn đệ tử, ông thường dạy pháp Phạm thế89cho họ. Khi đại sư Thiện Nhãn dạy pháp Phạm thế cho các đệ tử, trong số đó có người phụng hành pháp ấy không trọn vẹn nên sau khi mạng chung, người ấy sẽ sanh vào cõi trời Tứ Thiên Vương hoặc sanh vào cõi trời Đao-lợi, hoặc sanh vào cõi trời Diệm-ma, hoặc sanh vào cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh vào cõi trời Hóa Lạc, hoặc sanh vào cõi trời Tha Hóa Lạc. Nếu khi đại sư Thiện Nhãn giảng dạy pháp Phạm thế, trong so đệ tử đó, giả sử có người nào phụng hành trọn vẹn pháp ấy thì người đó phải tu bốn Phạm trú xa lìa

các dục, sau khi lâm chung, người ấy được sanh lên cõi trời Phạm thiên.

7 Hoảng Dục là tên khác của Cực Quang thiên hoặc Quang Âm thiên , Ābhassarā. 8 Phạm thế pháp Brahmalokasahavyatāya dhammāni'. Pháp dẫn đến cộng trú nơi cõi trời Phạm thiên. 9 Phạm thất Brahma vihārā tức 4 nơi an trú của các vị Phạm thiên, cũng gọi là 4 vô lượng tâm gồm từ ,mettā, bi ,karuna, hỷ ,muditā, x,upekkhā.

LÚC đó, đại sư Thiện Nhãn suy nghĩ như vầy: "Trong đời sau, ta không nên sanh vào một nơi cùng với các đệ tử. Nay ta hãy tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên. Sau khi tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên roi, lúc mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng Dục.^, về sau, đại sư Thiện Nhãn liền tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên. Sau khi tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên rồi, lúc qua đời liền được sanh lên trời Hoảng Dục. Đại sư Thiện Nhãn và các đệ tử học đạo không uổng phí, đạt được quả báo lớn. Này các Tỳ-kheo5 các thầy nghĩ sao? Thuở xưa, đại sư Thiện Nhãn được hàng tiên nhân ngoại đạo cung kính như bậc thầy, xa lìa ái dục, chứng đắc Như ý túc, các thây cho là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như thê! Nên biêt người đó chính là Ta. Thuở ấy, Ta là đại sư Thiện Nhãn, được tiên nhân ngoại đạo tôn kính như bậc thầy, xa lìa ái dục, chứng đắc Như ý túc. Bấy giờ, Ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử, Ta giảng nói pháp Phạm thế cho họ. Khi Ta giảng nói pháp Phạm thế, nếu trong số đệ tử có người phụng hành không trọn vẹn pháp ấy thì sau khi mạng chung, người ấy hoặc sanh vào cõi trời Tứ Thiên Vương, hoặc sanh vào cõi trời Đao-lợi, hoặc sanh vào cõi trời Diệm-ma, hoặc sanh vào cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh vào cõi trời Hóa Lạc, hoặc sanh vào cõi trời Tha Hóa Lạc. Khi Ta giảng nói pháp Phạm thê, nêu trong hàng đệ tử có người phụng hành trọn vẹn pháp ay5 tu tập bốn Phạm trú, xa lìa các dục thì sau khi lâm chung, người đó được sanh lên cõi trời Phạm thiên. Bay giờ, Ta nghĩ như vay: "Trong đời sau, Ta không nên sanh vào một nơi cùng với các đệ tử. Nay Ta hãy tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên. Sau khi tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên rồi, lúc qua đời liền được sanh lên trời Hoảng Dqc." về sau, Ta lại tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên. Sau khi tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên roi, lúc qua đời Ta được sanh lên trời Hoảng Dục. Thuở ấy, Ta và các đệ tử học đạo không uổng phí, đạt được quả báo lớn. Lúc ấy, Ta tự thân hành đạo vì lợi ích cho mình và lợi ích người khác, cũng vì lợi ích cho số đông, vì thương tưởng thế gian, vì mong cầu nghĩa lý và lợi ích, mong cầu an ổn và hân hoan cho chư thiên và loài người. Bấy giờ, Ta nói pháp chưa đến chỗ rốt ráo, chưa hoàn toàn thanh sạch, chưa trọn vẹn Phạm hạnh. Vì chưa trọn vẹn Phạm hạnh nên bay giờ, Ta không the xa lìa sanh, già, bệnh, chết, than khóc, lo buôn, cũng chưa thê giải thoát được tát cả khô đau. [0429c 19] Này Ty-kheo! Nay Ta xuất hiện ở đời, là bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc,1011 Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, 11 Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.12 Nay Ta

10 Minh hạnh thành vi vijjācaranasampanno: Vị đã thành tựu đủ cả Minh và Hạnh. 11 Nguyên tác: Đạo Pháp Ngư Cú ngữ này vốn được dịch nghĩa từ Pali: Dammasārathi. Do vì damma được dạy dô, thuần hóa, huấn luyện có phát âm gần

giống với dhammā giáo pháp, đạo pháp nên tạo ra sự nhầm lẫn này. Thực ra, đây là môt trong mươi tôn hiệu Phật, có nguyên tác Pali Purisadammasārathi và được các dịch giả cothām quyền như ngài Phât-đà-da-xá d6 Đàm-vô- sâm ,Câu-na-bạt-đà-la ... dịch sang Hán là Điều Ngự Trượng Phu . 12
Chúng Hựu ? cổ dịch nghĩa đen là đấng phù hộ mọi loài, được cho là một trong 10 tôn hiệu của đức Phạt, la đang The Tôn Bhagavant.

8. KINH BẢY MẶT TRỜI 45

đã làm lợi ích cho mình và làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho sô đông, xót thương thê gian, mong câu nghĩa lý và lợi ích, mong câu an ôn và hân hoan cho chư thiên và loài người. Nay Ta thuyết pháp đã đạt đen chỗ rốt ráo, đã hoàn toàn thanh sạch. đã trọn vẹn Phạm hạnh. Do đã trọn vẹn Phạm hạnh nên Ta đã lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, than khóc, lo buồn. Nay Ta đã được thoát khỏi tất cả khổ đau. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

9. KINH BẢY Cỏ XE1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá12 rồi cùng với đại chúng Tỳ-kheo an cư mùa mưa trong tinh xá Trúc Lâm.3 Tôn giả Mãn Từ Tử4 cũng an cư mùa mưa tại quê nhà của mình. Bấy giờ, sau khi trải qua ba tháng an cư ở quê nhà, các Tỳ-kheo vá sửa y áo đã xong, liền xếp y ôm bát, rời khỏi quê nhà rồi hướng về thành Vương Xá. Các Tỳ-kheo tuần tự du hành cho đến thành Vương Xá rồi an tru trong tinh xá Trúc Lâm. J [0430a05] Bấy giờ, các Tỳ-kheo ấy đến trước đức Phật, cúi đầu kính lễ rồi ngồi sang một bên. Đức Phật hỏi: -Các Tỳ-kheo! Các thầy từ đâu đến đây và đã an cư mùa mưa ở đâu? Các Tỳ-kheo từ phương xa đến thưa: -Bạch Thế Tôn! Chúng con từ quê nhà đến đây và an cư mùa mưa ngay tại quê nhà. Đức Phật hỏi: -Trong các Tỳ-kheo phương xa đến dây, có thầy nào được các Tỳ-kheo khen ngợi là: "Tự mình ít ham muốn, biết đủ và khen ngợi hạnh ít ham muốn, biết đủ. Tự mình ở nơi thanh vang5 và khen ngợi hạnh ở nơi thanh vắng. Tự mình tinh tấn và khen ngợi hạnh tinh tấn. Tự mình chánh niệm và khen ngợi hạnh chánh niệm. Tự mình chánh đinh6 và khen ngợi hạnh chánh đinh. Tự mình CÓ trí tuệ và khen ngợi hạnh trí tuệ. Tự mình dứt sạch phiền não và khen ngợi

1 Nguyên tác: Thấtxa kinh roi. 0026.9. 0429c28. Tham chiếu: Tăng.02. 0125.39.10. 0733c28; M. 24, Rathavinĩta Sutta Kinh trạm xe. 2 VươngXá ,Rājagaha, kinh đô của vương quốc Ma-kiệt-đà ,Magadha do Vua Tần-bà-sa-la ,Bimbisāra trị vì. Ngày nay, đĩa danh này thuộc quận Na-lan-da IP ,Nālandā, tiểu bang Bihar, Ấn Độ và được gọi với nhiều tên khác như Vasumati, Barhadrathapura, Girivraja, Kusagrapura, Rajgir,... 3 Trúc Lâm tinh xá ,VeỊuvana vihārā, khu vườn ngoại thành Vượng Xá do Vua Tần-bà-sa-la cúng dường cho đức Phật sau khi Ngài vừa thành đạo và lân đâu tiên trở vê thăm Vua. 4 Mãn Từ Tử Punna Mantāniputta còn được gọi là Phú-lâu-na hay Mãn Nguyện Tử ĪM W. _ 5 Nguyên tác: Nhàn cu ,pavivittà, cũng viết là "nhàn tịnh chi xứ",chỉ cho nơi nhàn tịnh, thanh văng. 6 Nguyên tác: Nhất tâm .

48 KINH TRƯNG A-HÀM

hạnh dứt sạch phiên não. Tự mình mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên được hoan hỷ7 và khen ngợi hạnh mở bày, dạy bảo, kMch le, khiến được hoan hỷ chng?" Các Tỳ-kheo phương xa thưa: -Bạch Thê Tôn! Tôn giả Mãn Tư Tử ở nơi que nha cua mình được các Ty- kheo khen ngợi là: “Tịt mình ít ham muốn, biết đủ và khen ngợi hạnh ít ham muốn, biết đủ. Tự mình ở nơi thanh vắng và khen ngợi hạnh ở nơi thanh vắng. Tự mình tinh tấn và khen ngợi hạnh tinh tấn. Tự mình chánh niệm và khen ngợi hạnh chánh niệm. Tự mình chánh định và khen ngợi hạnh chánh định. Tự mình có trí tuệ và khen ngợi hạnh trí tuệ. Tự mình dứt sạch phiền não và khen ngợi hạnh dứt sạch phiền não. Tự mình mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ và khen ngợi hạnh mở bày, dạy bảo, khích le, khiến được hoan hỷ.55 Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-phât8 đang ngôi trong đại chúng, thâm nghĩ như vầy: "Đức Thế Tôn đúng theo pháp mà hỏi các Tỳ-kheo phương xa. Các Tỳ- kheo ấy vô cùng khen ngợi Hiền giả Mãn Từ Tử: "Tự mình ít ham muốn, biết đủ và khen ngợi hạnh ít ham muốn, biết đủ. Tự mình ở nơi thanh vang và khen ngợi hạnh ở nơi thanh vắng. Tự mình tinh tấn và khen ngợi hạnh tinh tấn. Tự mình chánh niệm và khen ngợi hạnh chánh niệm. Tự mình chánh định và khen ngợi hạnh chánh định. Tự mình có trí tuệ và khen ngợi hạnh trí tuệ. Tự mình dứt sạch phiền não và khen ngợi hạnh dứt sạch phiền não. Tự mình mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ và khen ngợi hạnh mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hy.” Tôn giả Xá-lợi-phất lại thầm nghĩ: "Biết lúc nào ta mới được gặp Hiền giả Mãn Từ Tử để hỏi một vài nghĩa lý. Không biết thầy ấy có thể lắng nghe những gì ta hỏi khong?99 Bấy giờ, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa ở thành Vương Xá, đức Thế Tôn vá sửa y áo cũng đã xong. Ngài xếp y, ôm bát rời thành Vương Xá đi dần đến nước Xá-vệ. Đen Xá-vệ rồi, Ngài cư ngụ trong Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo phương xa cùng ở lại thành Vương Xá vài ngày nữa, rồi xếp y, ôm bát đi dần đến nước Xá-vệ. Đen nước này rồi, tất cả cùng ở trong Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. [0430b06] Bấy giờ, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa ở quê nhà, Tôn giả Mãn Từ Tử đã vá sửa y áo, xếp y ôm bát, rời que nhà rồi đi dần về nước Xá- vệ. Đen nước này rồi, Tôn giả cũng an trú trong Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

7 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Cú ngữ này trong Du hành kinh roi. 0001.2. 00l2b04 ghi là4thL giáo, lợi, hy” ,,;Tạp. r.02. 0099.92. 0024a28 ghi là "thi, giáo, chiếu, , nghĩa là mở bày ,sandassetī, khuyên khích, dạy bảo ,samādapeti, khích lệ ,samuttejetī và khiên được hoan hỷ , sampahamseti. Ngài Huyên Trang dịch cú ngữ này là "thị hiện,, ,"giao đạp",“tán le",1dianh hy” .Ngai Nghía Tịnh dích là t4khai thi”khun dao?,; “n le” ,“khẩíìh. 8 Nguyên tác: Tôn giả Xá-lê tử Sāriputta.

9. KINH BẢY Cỏ XE 49

Tôn giả Mãn Từ Tử đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu kính lễ, trải tọa cụ9 rồi ngồi kiết-già trước đức Phật. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi các Tỳ-kheo khác: Thưa chư Hiền! Xin hỏi vị nào là Hiền giả Mãn Từ Tử? Các Tỳ-kheo thưa Tôn giả Xá-lợi-phất: -Dạ thưa, vị ngồi ngay trước Như Lai, trắng trẻo, mũi cao như mỏ chim oanh vũ, chính là Tôn giả ấy. Tôn

giả Xá-lợi-phất biết dung sắc Mãn Từ Tử rồi liền ghi nhớ kỹ. Khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Mãn Từ Tử đắp y, ôm bát đi vào thành Xá-vệ khất thực. Sau khi thọ thực xong, vào khoảng xe trưa, Tôn giả cất y bát, rửa tay chân, xếp tọa cụ trên vai rồi đi đến rừng An-đà1011để kinh hành. Cũng qua đêm đó, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y, ôm bát đi vào thành Xá-vệ khất thực. Sau khi thọ thực xong, vào khoảng xế trưa, Tôn giả cát y bát, rửa tay chân, xép tọa cụ trên vai roi đi đên rừng An-đà đê kinh hành. Bấy giơ, Ton giả Mãn Từ Tử đến khu rừng An-đà, trải tọa cụ bên một gốc cây rồi ngồi kiết-già. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đến khu nrng ấy, cách Tôn giả Mãn Từ Tử không xa, trải tọa cụ bên một gốc cây rồi ngồi kiết-già. Vào lúc xế chiều, Tôn giả Xá-lợi-phất rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ Tôn giả Mãn Từ Tử, cùng chào hỏi nhau xong, ngồi sang một bên và hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử: —Thưa Hiền giả! Có phải Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng? Tôn giả Mãn Từ Tử đáp: -Đúng the! Thưa Hiền giả! Có phải vì để giới thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng? Tôn giả Mãn Từ Tử đáp: Thưa, không phải vậy! -Có phải vì để tâm thanh tịnh, vì để thấy biết thanh tịnh, vì để nghi ngờy thanh tịnh, vì để nhận biết đường chánh và nẻo tà12 thanh tịnh, vì để nhận biết phương pháp tu tập13 thanh tịnh và vì con đường đưa đến trí đoạn trừ14 thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng?

9 Nguyên tác: Ni-sư-đàn . 10 Nguyên tác: An-đà lâm ,Andhavana, còn gọi là vườn Trú-ám . 11 Nghi cái tịnh .g. T.02. 0125.5.5. 0557c20 ghi là "v6 do du" íhay "v6 do dự thanh tịnh,, . 12 Đạo phi đạo tri kiến tịnh Thanh tịnh do thấy và biết về chánh đạo và không phải chánh đạo. 13 Đạo tích tri kiến tịnh :Thanh tịnh do thấy biết về con đường tu tập. 14 Đạo tích đoạn trí tịnh .A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa luận T.28. 1546.18. 0132c24 giải thích: Đoạn trừ tất cả tham, sân, si và đoạn trừ tất cả phiền não, gọi là đoạn trí j.

[0430c02] Tôn giả Mãn Từ Tử thưa: -Không phải vậy! Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Tôi vừa hỏi: "C6 phải Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chng?" Hiền giả đáp: "Đúng vay!" Tôi hỏi Hiền giả rằng: "C6 phải vì để giới thanh tịnh nên Hiên giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chang?" Hiên giả đáp: "Không phải vay!" Tôi lại hỏK "C6 phải vì để thấy biết thanh tinh, vì để nghi ngờ thanh tinh, vì để nhận biết đường chánh và nẻo tà thanh tịnh, vì để nhận biết phương pháp tu tập thanh tịnh và vì con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng? Hiền giả lại đáp: "Không phải vay!" Vậy theo nghĩa nào mà Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh? Tôn giả Mãn Từ Tử thưa: Này Hiền giả, vì Vô dư Niết-bàn. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi: -Này Hiền giả! Có phải do giới thanh tinh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng? -Không phải vậy! Có phải vì để tâm thanh tịnh, vì để thấy biết thanh tịnh, vì để nghi ngờ thanh tịnh, vì để nhận biết đường chánh và nẻo tà thanh tinh, vì để nhận biết phương pháp tu tập thanh tịnh và vì con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng?

-Không phải vậy! Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Tôi vừa hỏi Hiền giả: “C6 phải vì để giới thanh tinh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng?y Hiền giả đáp: "Không phải!" Tôi hỏi: "C6 phải vì để tâm thanh tịnh, vì để thấy biết thanh tịnh, vì để nghi ngờ thanh tinh, vì để nhận biết đường chánh và nẻo tà thanh tịnh, vì để nhận biết phương pháp tu tập thanh tịnh và vì con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tinh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chang?" Hiền giả cũng đáp: "Không ph*i!" Vậy những điều Hiền giả nói có ý nghĩa gì? Làm sao để hiểu được? Tôn giả Mãn Từ Tử thưa: Này Hiền giả! Nếu vì giới thanh tịnh nên Thế Tôn, Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn, tức là dùng Hữu dư để nói về Vô dư. Nếu vì để tam thanh tịnh, vì để thấy biết thanh tịnh, vì để nghi ngờ thanh tịnh, vì để nhận biết đường chánh và nẻo tà thanh tinh, vì để nhận biết phương pháp tu tập thanh tinh và vì con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tịnh nên đức Thế Tôn, Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn, tức là dùng Hữu dư để nói về Vô dư. Này Hiền giả!

9. KINH BẢY Cỏ XE 51

Nếu xa lìa những pháp ấy mà đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn thì hạng phàm phu cũng sẽ chứng đăc Niêt-bàn, vì phàm phu cũng xa lìa những pháp ây. Này Hiền giả! Vì chỉ cần có giới thanh tịnh nên có được tâm thanh tịnh. Do vì tâm thanh tịnh nên có được thấy biết thanh tinh. Do vì thấy biết thanh tịnh nên có được nghi ngờ thanh tịnh. Do vì nghi ngờ thanh tinh nên có được sự nhận biết về đường chánh và nẻo tà thanh tịnh. Do vì nhận biết về đường chánh và nẻo tà thanh tịnh nên có được sự nhận biết phương pháp tu tập thanh tinh. Do vì nhận biết phương pháp tu tập thanh tinh nên có được con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tịnh. Do vì con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tịnh nên đức Thế Tôn, Sa-môn Cù-đàm thiết lập Vô dư Niết-bàn. [043la04] Này Hiền giả, xin hãy nghe thêm! Thuở xưa, vua xứ Câu-tát-la là Ba-tư-nặc15 ở nước Xá-vệ có công việc ở xứ Bà-kê-đế16 nên nhà vua đã suy nghĩ như vầy: "Cách tốt nhất hiện giờ để ta đi từ nước Xá-vệ đến xứ Bà-kê-đế là nên bố trí bảy cỗ xe ở giữa quãng đường âỏy Bấy giờ, ở giữa quãng đường từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế, nhà vua cho bố trí bảy cỗ xe. Bảy cỗ xe đã bo trí xong, từ Xá-vệ, nhà vua đi đen cỗ xe thứ nhất, cưỡi cỗ xe thứ nhất, đi đến cỗ xe thứ hai rồi bỏ cỗ xe thứ nhất; cưỡi cỗ xe thứ hai, đi đến cỗ xe thứ ba rồi bỏ cỗ xe thứ hai; cưỡi cỗ xe thứ ba, đi đến cỗ xe thứ tư roi bỏ cô xe thứ ba; cưỡi cô xe thứ tư, đi đên cồ xe thứ năm roi bỏ cô xe thứ tư; cưỡi cô xe thứ năm, đi đên cô xe thứ sáu roi bỏ cô xe thứ năm; cưỡi cô xe thứ sáu, đi đến cỗ xe thứ bảy rồi bỏ cỗ xe thứ sáu; cưỡi cỗ xe thứ bảy, trong một ngày thì đến Bà-kê-đế. Tại Bà-kê-đế, sau khi đã hoàn thành mọi việc, nhà vua cùng quần thần ngồi trong Chánh điện. Quần thần tâu: "Tâu Thiên vương! Có phải chỉ trong một ngày mà ngài đi từ Xá-vệ đến Ba-ke-de?" Vua đáp: “Dúng vay!” "Tâu Thiên vương! Có phải ngài cưỡi cỗ xe thứ nhất mà trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Bà-kSdế?" Vua đáp: “Kh6ng phi vay!” “C6 phải ngài cưỡi cỗ xe thứ hai, cỗ xe thứ ba5... (cho đến) cỗ xe thứ bảy từ Xá-vệ đen Bà-kê-đế chng?”

15 Ba-tư-nặc (Pasenadi), vua nước Kosala trong thời đức Phật, là con của Mahākosala. Vua Pasenadi có những liên hệ gần gũi và sâu sắc đoi với đức Phật và giáo pháp. Đặc biệt, Kình Tương ưng bộ dành nguyên mọt chương tổĩíg hợp những pháp

thoại của đức Phật có nội dung liên hệ đến ông, gọi là Tương ưng Kosala (S. 1.3). Nhà vua có một người con trai tên là Brahmadatta, xuất gia và chứng quả A-la-hán. 16 Bà-kê-đế (Saketa), một thị trấn của nước Kosala. Theo DPPN, có lẽ đó là kinh đô xưa của Kosala.

52 KINH TRƯNG A-HÀM

Vua đáp: "Không phải vay!99 Này Hiền giả! Nếu quần thần lại hỏi nữa thì Quốc vương xứ Câu-tát-la là Ba-tư-nặc sẽ trả lời thế nào? Có phải nhà vua sẽ trả lời quần thần: "Trẫm ở nước Xá-vệ9 vì có công việc ở Bà-kê-đế nên trẫm suy nghĩ như vầy: 'Trong một ngày, ta phải dùng phương tiện ỊÌ để có thể đi từ nước Xá-vệ đến được Bà-kSdế?' Ta lại suy nghĩ: 'Cách tốt nhát hiện giờ để ta đi từ nước Xá-vệ đến xứ Bà-kê-đế là nên bố trí bảy cỗ xe ở giữa quãng đường đó/ Ngay khi đó, ta từ nước Xá-vệ đi đến xứ Bà-kê-đế với bảy cỗ xe được bo trí ở giữa quãng đường đó. Xe bo trí xong, từ nước Xá-ve, ta lên cỗ xe thứ nhất, cưỡi cỗ xe thứ nhất, đi đen cỗ xe thứ hai rồi bỏ cỗ xe thứ nhất; cưỡi cỗ xe thứ hai, đi đến cỗ xe thứ ba rồi bỏ cỗ xe thứ hai; cưỡi cỗ xe thứ ba, đi đến cỗ xe thứ tư rồi bỏ cỗ xe thứ ba; cưỡi cỗ xe thứ tư, đi đên cô xe thứ năm roi bỏ cô xe thứ tư; cưỡi cô xe thứ năm, đi đên cô xe thứ sáu roi bỏ cô xe thứ năm; cưỡi cô xe thứ sáu, đi đên cô xe thứ bảy roi bỏ cô xe thứ sáu; cưỡi cỗ xe thứ bảy, trong một ngày thì đến Bm-kSdế." [043 lb04] Này Hiền giả! Vua xứ Câu-tát-la là Ba-tư-nặc trả lời câu hỏi của quần thần như vậy. Cũng vậy, này Hiền giả! Do vì giới thanh tịnh nên có được tâm thanh tịnh. Do vì tâm thanh tịnh nên có được thấy biết thanh tinh. Do vì thấy biết thanh tịnh nên có được nghi ngờ thanh tịnh. Do vì nghi ngờ thanh tịnh nên có được sự nhận biết về đường chánh và nẻo tà thanh tinh. Do vì nhận biết về đường chánh và nẻo tà thanh tinh nên có được sự nhận biết phương pháp tu tập thanh tịnh. Do vì nhận biết phương pháp tu tập thanh tịnh nên có được con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tinh. Do vì con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tịnh nên đức Thế Tôn, Sa-môn Cù-đàm thiết lập Vô dư Niết-bàn. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử: -Tôn hiệu của Hiền giả là gì? Các vị Phạm hạnh gọi Hiền giả thế nào? Ton gia Mãn Tư Tư đáp: Hiền giả! Tôi hiệu là Mãn, thân mẫu tôi tên Từ, do đó những vi Phạm hạnh gọi tôi là Mãn Từ Từ. Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: Lành thay, lành thay! Hiền giả Mãn Từ Tử là đệ tử của đức Như Lai, thành tựu trí tuệ biện tài, thông minh quyết đoán, an ổn vô úy9 thành tựu điều phục, được đại biện tài, được cờ bất tử,17 đã tư thân chứng ngộ và an trú trong cõi bất tử.18 Những gì thưa hỏi với Hiền giả đều được trả lời bằng những nghĩa lý vô cùng sâu xa. Hiên giả Mãn Từ Tử! Những người Phạm hạnh sẽ được lợi ích lớn nếu gặp được ngài và tùy thời thăm viếng, tùy thời lễ bái. Nay tôi cũng được lợi

17 Cam lộ tràng :Ngọn cờ bất tử, ngọn cờ chiến thắng. Xem thêm s. L 218. 18 Cam lộ giới amatadhãtù chỉ cho cõi bất tử, là tên khác của giải thoát.

9. KINH BẢY CỒ XE 53

ích lớn vì đã tùy thời thăm viếng và tùy thời lễ bái. Những người Phạm hạnh vì để được lợi h lớn thì cũng nên quấn y quanh đầu mà đội Hiền giả Mãn Từ Tử. Nay tôi cũng được lợi ích lớn, vì đã tùy thời thăm viếng và tùy thời lễ bái. Tôn giả Mãn Từ Tử hỏi Tôn

giả Xá-lợi-phất: Hiền giả tôn hiệu là gì? Các vi Phạm hạnh gọi Hiền giả thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: -Tôi hiệu là Ưu-ba-đề-xá,19 thân mẫu tôi tên Xá-lợi20 nên những người Phạm hạnh gọi tôi là Xá-lợi tử. Tôn giả Mãn Từ Tử khen ngợi: -Hôm nay, tôi đã bàn luận với đệ tử đức Thế Tôn mà không biết, cùng luận bàn với bậc Tôn quý thứ hai21 mà không biết, cùng luận bàn với vi Pháp tướng22 mà không biêt, cùng luận bàn với đệ tử đang Chuyên Pháp Luân, vi chuyên vận pháp luân lần nữa23 mà không biết. Nếu tôi biết ngài là Tôn giả Xá-lợi-phất thì tôi đã không thể trả lời nổi một câu, huống gì lại bàn luận sâu xa như thế. Lành thay, lành thay! Tôn giả Xá-lợi-phất, ngài là đệ tử đức Như Lai, thành tựu trí tuệ biện tài, thông minh quyết đoán, an ổn vô úy, thành tựu điều phục, được đại biện tài, được cờ bất tử, đã thành tựu và an trú trong cõi bất tử. Tôn giả đã hỏi những điều này rất sâu xa, rất sâu xa! Tôn giả Xá-lợi-phất! Những vị Phạm hạnh sẽ được lợi ích lớn nếu gặp ngài, tùy thời thăm viếng, tùy thời lễ bái. Nay tôi cũng được lợi ích lớn, vì đã tùy thời thăm viếng, tùy thời lễ bái. Những người Phạm hạnh vì để được lợi ích lớn thì nên quấn y quanh đầu mà đội Tôn . r r

giả Xá-lợi-phât. Nay tôi cũng được lợi ích lớn, vì đã tùy thời thăm viêng và tùy thời lễ bái. Hai vị Hiền giả cùng nhau tán dương, cùng nhau khen ngợi như vậy roi hoan hỷ phụng hành và cả hai đứng dậy, trở vê chô của mình.

19 Ưu-ba-đề-xá ,upatissa. 20 Nguyên tác: Xá-lê Sāli. 21 Đệ nhị tôn .T6n ximg như thế vì Tôn giả Xá-lợi-phất được kính trọng, dưới đức Phật chỉ một bậc. 22 Pháp tướng ,Dhammasenãpatĩ: Vị Tướng quân của Chánh pháp. 23 Tham chiếu:, 92, Sela Sutta Kinh Sela ghi là Sāriputto anuvatteti, anujāto tathāgatam chính Sāriputta chuyên bánh xe Chánh pháp, thừa tự Như Lai vị, HT. Thích Minh Châu dịch.

10. KINH TRỪ SẠCH LẬU HOẶC1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu,12 ngụ tại Kiếm-ma-sắt- đam, mọt đo áp cua nước Câu-lâu.3 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Do biết, do thấy nên các lậu hoặc45được đoạn trừ, chứ không phải do không biết, không phải do không thấy. Thế nào là do biết, do thấy nên các lậu hoặc được đoạn trừ? Nghĩa là có chánh tư duy và không có chánh tư duy. Nếu không có chánh tư duy thì lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm; các lậu hoặc trong cõi sắc và Vô sắc/ tất cả vô minh trong ba cõi chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm. Nêu có chánh tư duy thì lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh khởi sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi liền diệt trừ; tất cả lậu hoặc trong cõi sắc và Vô sắc, tất cả vô minh trong ba cõi chưa sanh khởi sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi liền diệt trừ. Hạng phàm phu ngu si không được nghe Chánh pháp, không được gặp bậc tri thức chân chánh, không biết pháp của bậc Thánh, không được điều phục theo pháp của bậc Thánh, không biết pháp như thật. Nếu không có chánh tư duy thì lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm; lậu hoặc trong cõi Săc và Vô săc, tát cả vô minh trong ba cối chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm. Nếu có chánh tư duy thì lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh khởi sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi liên diệt trừ; lậu hoặc trong cõi Sác và Vô săc? tát cả vô minh trong ba cõi chưa sanh khởi sẽ

không sanh khởi, đã sanh khởi liền diệt trừ. Vì không biết

1 Nguyêntác: Lầu tậnkinh T.01.0026.10. 043ÍCỈ3. Tham chiếu: Nhất thiết lưu nhiếp thủ nhân kinh T.Ol. 0031. 0813a05; Tăng.7Í02. 0125.40.6. 0740a25; M. 2, Sabbāsava Sutta Kỉnh tát cả lậu hoặc. 2 Câu-lâu-sấu ,Kurusu, dân chúng Kuru, hậu tố "S"" chỉ cho số nhiều của người Kuru. Kuru là một trong 16 nước lớn ở thời Phật. 3 Kiếm-ma-sắt-đàm Câu-lâu đô ấp Kammāsadhamma, thủ đô của dân chúng Kuru. 4 Nguyên tác: Lậu ,ãsava, tức phiền não, nhiễm ô. 5 Nguyên tác: Hữu lậu, vô minh lậu .Hữu lậu ,bhavāsavā'. Hết thảy phiền não trong cõi Sắc và Vô sắc, trừ vồ minh ra, gọi là "hữu lậu.^, Vô minh lậu avijjāsavā, Du-già sư địa luận 7.30. 1579.89. 0802al9 giải thích rằng tổng nhiêp vô trí trong cả ba cõi này làm thành một, lập nên 4tvồ minh 11",.

pháp như thật, do đó pháp không nên nhớ nghĩ lại nhớ nghĩ, pháp nên nhớ nghĩ lại không nhớ nghĩ. Vì pháp không nên nhớ nghĩ lại nhớ nghĩ, pháp nên nhớ nghĩ lại không nhớ nghĩ, nên lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm; lậu hoặc trong cõi sắc và Vô sắc, tất cả vô minh trong ba cõi chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm. [0432a01] Vi Thánh đệ tử đa văn67được nghe Chánh pháp, được gặp bậc tri thức chân chánh, được điều phục theo pháp của bậc Thánh, biết pháp như thật. Nếu không có chánh tư duy thì lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm; lậu hoặc trong cõi sắc và Vô sắc, tất cả vô minh trong ba cõi chưa sanh sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm. Nếu có chánh tư duy thì lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi liên diệt trừ; lậu hoặc trong cối Sac và Vô săc? tát cả vô minh trong ba cối chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi liền diệt trừ. Biết như thật ve các pháp rồi, pháp không nên nhớ nghĩ sẽ không nhớ nghĩ, pháp nên nhớ nghĩ liền nhớ nghĩ. Vì pháp không nên nhớ nghĩ thì không nhớ nghĩ và pháp nên nhớ nghĩ liền nhớ nghi, nên lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi liền diệt trừ; lậu hoặc trong cõi sắc và Vô sắc, tất cả vô minh trong ba cõi chưa sanh thì không sanh khởi, đã sanh khởi liền diệt trừ. Có bảy pháp đoạn trừ lậu hoặc, phiền não và lo buồn. Bảy pháp ấy là gì? Có lậu hoặc được đoạn trừ do thấy biết,7 có lậu hoặc được đoạn trừ do phòng hộ,8 có lậu hoặc được đoạn trừ do tránh né.9 có lậu hoặc được đoạn từ do thọ dụng,1011 CÓ lậu hoặc được đoạn trừ do kham nhẫn,11 có lậu hoặc được đoạn trừ do từ bỏ912 có lậu hoặc được đoạn trừ do tu tập.13 Thê nào là lậu hoặc được đoạn trừ do thây biêt? Hạng phàm phu ngu si không được nghe Chánh pháp, không được gặp bậc tri thức chân chánh, không biêt pháp của bậc Thánh, không được điêu phục theo pháp của bậc Thánh, không biêt như thật vê pháp, vì không có chánh tư duy nên suy nghĩ như vây:

6 Đa văn Thánh đệ tử ( ).Thành cú này dịch sát từ nguyên ngữ Pali: Sutavã ariyasãvaka. ở đây, sutavã là đa văn; là bậc Thánh, bậc cao thượng, cao quý; savaka là vị đệ tử. Thành cú này chi cho môt vị đệ tử Phật, không phân biệt tại gia hay xuất gia,

đa có sự chứng ngọ nói chung, từ Sơ quả cho đen Tư quả và siêng năng học hỏi. 7 Kiến (,dassanã)'. Nhận thấy, thấy biết, trực giác, giác ngộ. 8 9 sarnvara)'. Sự thu thúc, việc đóng cửa. Tg.(r.02. 0125.40.6. 0740Ồ03) ghi là "oai nghi" (),có nghĩa la kiểm thúc, phòng hộ. 9 Ly (,parivajjanã)\ Sự tránh xa. Tăng.(02. 0125.40.6. 0740Ồ02) ghi là "viễn ly"(vĩtà). 10^Dui^(ffl, patisevanà): Thọ dụng, sự thực hành. Tăng.(T.02. 0125.40.6. 0740Ồ02) ghi là "thân

11 Nhẫn (S, adhivāsana): Kham nhẫn, chịu đựng. Tdrĩg.(T.02. 0125.40.6. 0740c26) ghi là "cung kính,, (). ' 12 Trừ (vinodanà)'. Giải trừ, loại bỏ. 13 Tư duy ()trong trường hợp này có nghĩa là tu tập (,bhāvanā).

10. KINH TRỪ SẠCH LẬU HOẶC 57

"Ta hiện hữu ở đời quá khứ? Ta không hiện hữu ở đời quá khứ? Do nhân gì mà ta có đời quá khứ? Ta ở đời quá khứ như thế nào? Ta hiện hữu ở đời vị lai? Ta không hiện hữu ở đời vị lai? Do nhân gì mà ta có đời vị lai? Ta ở đời vị lai như thế nào? Tự hoài nghi về chính mình, thân ta là gì? Nó như thế nào? Chúng sanh này từ đâu đến và sẽ đi về đâu? vốn do nhân gì mà hiện hữu? Sẽ do nhân gì mà hiện hữu?^, Người kia khởi tư duy không chân chánh như vậy rồi thì tùy theo từng loại kiến chấp trong sáu kiến chấp14 mà khởi lên kiến chấp có tự ngã chan thật, hoặc khởi lên kiến chấp không có tư ngã chân thật, hoặc khởi lên kiến chấp có tự ngã thì thấy là tự ngã, hoặc khởi lên kiến chấp thấy tự ngã mà chẳng phải tự ngã, hoặc khởi lên kiến chấp chẳng phải tự ngã mà thấy rằng tự ngã5 hoặc khởi lên kiến chấp chính tự ngã này có thể nói năng, có thể nhận biết, có thể hành động, có thể sai khiến, có thể đứng dậy, có thể sai khiến đứng dậy, sanh vào nơi này nơi kia, thọ nhận quả báo thiện, quả báo ác, chung cuộc không từ đâu đến, chung cuộc không hiện hữu, chung cuộc sẽ không hiện hữu. Đó là những điều xấu xa của kiến chấp, bi kiến chấp lay động, bị kiết sử kiến chấp buộc chặt. Vì the, kẻ phàm phu ngu si phải thọ nhận kho đau của sanh, già, bệnh, chết. Vị Thánh đệ tử đa văn được nghe Chánh pháp, được gặp bậc tri thức chân chánh, được điều phục theo pháp của bậc Thánh, biết như thật về pháp, biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhân của khổ, biết như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt. Biết như thật như thế rồi, liền trừ sạch ba kiết là thân kiến, giới thủ và nghi. Khi ba kiết đã diệt trừ sạch, liền chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa lạc trong pháp ác, chắc chắn thẳng tiến đến Chánh giác, thọ sanh tối đa bảy đời trong cõi người hay cõi trời. Sau bảy lần qua lại, liền vượt thoát khổ đau. Nếu người không có sự thấy biết như vậy thì sanh khởi phiền não, lo buồn; có tri kiến thì không sanh khởi phiền não5 lo buôn. Đó gọi là có lậu hoặc được đoạn trừ do thây biêt. [0432Ồ06] Thế nào là có lậu hoặc được đoạn trừ do phòng hộ? Này Tỳ- kheo! Khi mắt thấy sắc, nếu có phòng hộ nhãn căn thì nhờ chánh tư duy mà quán bất tịnh, nếu không phòng hộ nhãn căn thì sẽ không có chánh tư duy nên quán là tinh. Nêu không phòng hộ thì sanh khởi phiên não, buôn lo; nêu có phòng hộ thì không sanh phiền não, buồn lo. Cũng vậy5 đối với tai, mũi, lưỡi, thân hay ý biết pháp mà có phòng hộ ý căn thì nhờ chánh tư duy mà quán bất tinh, nếu không phòng hộ ý căn thì sẽ không có chánh tư duy nên quán là tịnh. Nếu không phòng hộ thì sanh khởi phiền não, buồn lo, nếu có phòng hộ thì không sanh

khởi phiền não, buồn lo. Đó gọi là có lậu hoặc được đoạn trừ do phòng hộ.

14 Lục kiến () Có tư ngã chân thật, (ii) Không có tự ngã chân thật, (iii) Có tự ngã thì thấy là tự ngã, (iv) Thay tự ngã mà chẳng phải tự ngã, (v) Chẳng phải tự ngã mà thấy rằng tự ngã, (vi) Tự ngã này co the nhận biết, hanh động, sai khiến...

Thế nào là lậu hoặc được đoạn trừ do tránh né? Này Ty-kheo! Khi thấy voi dữ5 ngựa dữ, bò dữ, chó dữ? rắn độc, đường hiểm, hầm hố, hầm xí, sông ngòi, núi cao, suối sâu... thì nên tránh xa. Nếu bậc Phạm hạnh cùng chung một tru xứ với hàng tri thức xấu ác5 bạn bè không tốt? ngoại đạo hung hiểm hay thôn ấp xấu xa, chỗ ở hiểm nguy thì sẽ khiến cho người không nghi ngờ sanh khởi nghi ngờ nên Tỳ-kheo can phải tránh né. Nêu bậc Phạm hạnh cùng chung một trú xứ với tri thức xấu ác, bạn bè không tốt, ngoại đạo hung hiểm, thôn ấp xấu xa, chỗ ở hiểm nguy thì sẽ khiến cho người không nghi ngờ sanh khởi nghi ngờ nên phải hoàn toàn tránh né. Nếu không tránh né thì sẽ phát sanh phiền não, lo buồn; nếu tránh xa thì không phát sanh phiền não, lo buồn. Đó gọi là lậu hoặc được đoạn trừ do tránh né. Thế nào là lậu hoặc được đoạn trừ do thọ dụng? Này Tỳ-kheo! Khi thọ dụng y phục chăng phải đê mưu lợi, chăng phải đê kiêu hãnh, chăng phải đê trang sức mà vì để tránh muỗi mòng, gió mưa, lạnh nóng, vì xấu hổ với mình và thẹn với người. Khi thọ dụng thực phẩm thì chẳng phải vì mưu lọi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để béo tốt mà chỉ khiến cho thân mạng trường tồn, để diệt trừ phiên não, lo buôn và vì đê thực hành Phạm hạnh, vì muôn cho bệnh cũ tiêu trừ đừng sanh bệnh mới và vì để sống lâu an ổn, không bệnh tật. Khi thọ dụng nhà cửa, phòng ốc5 giường nệm, vật dụng để nằm không phải để mưu lợi, chẳng phải đe kiêu hãnh, chẳng phải đe trang sức mà chỉ đe lúc mệt mỏi có nơi an nghỉ, có nơi tĩnh tọa. Khi thọ dụng thuốc thang không phải để mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, không phải để béo tốt mà chỉ để trừ bệnh tật, để điều hòa cơ thể, để an ổn không bệnh. Nếu không thọ dụng những thứ ấy thì sẽ sanh phiền não, lo buồn; còn thọ dụng thì không sanh phiền não, lo buồn. Đó gọi là lậu hoặc được đoạn trừ do thọ dụng. [0432c05] Thế nào là lậu hoặc được đoạn trừ do kham nhẫn? Này Tỳ-kheo! Hãy tinh tấn đoạn trừ pháp ác và bất thiện, tu tập các pháp thiện, luôn luôn tỉnh thức, chuyên tâm tinh cần, thà để tất cả thân thể, da thịt, gân xương và máu tủy thảy đêu khô kiệt chứ không từ bỏ tinh tân, phải đạt được mục đích mong muốn mới bỏ sự tinh tấn. Này Tỳ-kheo! Các thầy lại phải nhẫn chịu sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi, bọ chét, chí rận; dù mưa gió hay tiết trời bức bách, bị lời hung dữ hay bị đánh đập cũng đều có thể nhẫn chịu; dù thân mang bệnh tật vô cùng đau dơn, đến nỗi gần như mất mạng và những điều không đáng ưa thh, tất cả đều phải nhẫn chịu. Nếu không nhẫn chiu thì sanh khởi phiền não, buồn lo; nếu nhẫn chịu được thì không sanh khởi phiền não, buồn lo. Đó gọi là lậu hoặc được đoạn trừ do kham nhẫn. Thế nào là lậu hoặc được đoạn trừ do từ bỏ? Này Tỳ-kheo! Nếu niệm dục đã sanh khởi mà không từ bỏ, không xa lìa; niệm sân và niệm hại đã sanh khởi mà không đoạn trừ, không xa lìa thì phiền não, lo buồn sẽ phát sanh; nếu từ bỏ thì phiền não, lo buồn sẽ không phát sanh. Đó gọi là lậu hoặc được đoạn trừ do từ bỏ.

Thế nào là lậu hoặc được đoạn trừ do tu tập? Này Tỳ-kheo! Hãy tu tập giác chi đầu tiên là niệm giác chi, nương hạnh viễn ly, nương hạnh vô dục, nương hạnh diệt tận mà hướng đến xuất ly;1516 trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an,16 định, cho đến tu tập giác chi thứ bảy là xả? nương hạnh viễn ly, nương hạnh vô dục, nương hạnh diệt tận mà hướng đến xuất ly. Nếu không tu tập thì sanh khởi phiên não, lo buôn; có tu tập thì không sanh khởi phiên não, lo buôn. Đó gọi là lậu hoặc được đoạn trừ do tu tập. Nếu Tỳ-kheo có lậu hoặc do thấy biết được đoạn trừ thì hãy dùng thấy biết 9 9

đê đoạn trừ, có lậu hoặc do phòng hộ được đoạn trừ thì hãy dùng phòng hộ đê đoạn trừ, có lậu hoặc do tránh né được đoạn trừ thì hãy dùng tránh né để đoạn trừ, có lậu hoặc do thọ dụng được đoạn trừ thì hãy dùng thọ dụng để đoạn trừ, có lậu hoặc do kham nhẫn được đoạn trừ thì hãy dùng kham nhẫn để đoạn trừ, có lậu hoặc do từ bỏ được đoạn trừ thì hãy dùng từ bỏ để đoạn trừ, có lậu hoặc do tu tập được đoạn trừ thì hãy dùng tu tập để đoạn trừ. Đó gọi là vị Tỳ-kheo đã đoạn trừ tất cả lậu hoặc, đã diệt trừ các kiết sử, có thể dùng chánh trí để vượt thoát khổ đau. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.17

15 Y ly, y vô dục, y ư diệt tận, thú chí xuất yếu (,vivekanissitarn virāgamssitam nirodhamssitarn vossaggaparināmini): Y viễn ly, y ly dục, y diệt tận, hướng đen xả ly. 16 Tức (,passaddhi) chỉ cho khinh an. 17 Bản Hán, hết quyển 2.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.